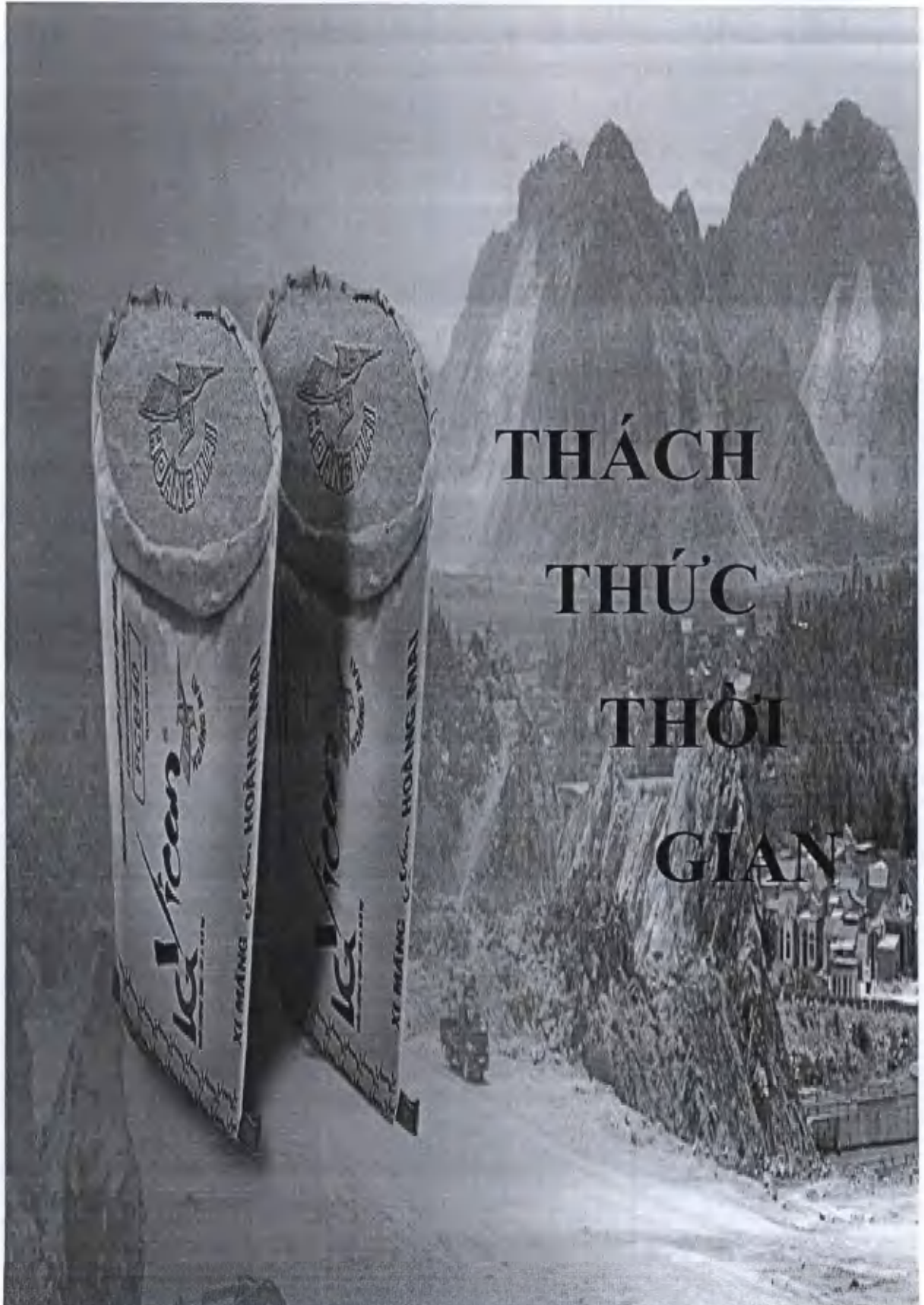


**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM HOÀNG MAI**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016**





THÁCH THỨC THỜI GIAN

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 08 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 04 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08 tháng 07 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 11 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 12 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 06 năm 2015,

- Vốn điều lệ: 720.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ đồng)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 720.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ đồng)

- Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

- Số điện thoại: (84-38) 3 866 170

- Số fax: (84-38) 3 866 648

- Website: www.ximanghoangmai.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có): HOM

Trụ sở công ty CP xi măng Hoàng Mai



Toàn cảnh nhà máy XM Hoàng Mai

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai tiền thân là Công ty Xi măng Nghệ An (trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An) được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB ngày 07/10/1995 của UBND tỉnh Nghệ An. Công ty được hình thành để làm chủ đầu tư Dự án xi măng Hoàng Mai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 15/4/1996. Nhà máy xi măng có công suất 1,4 triệu tấn xi măng/năm với tổng mức đầu tư 238 triệu USD từ nguồn vốn vay trong và ngoài nước.

Ngày 09/06/1999, Dự án xi măng Hoàng Mai tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất và sau 32 tháng khởi công xây dựng, ngày 6/3/2002, Nhà máy đã cho ra những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt. Xi măng Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam mà quá trình sản xuất ngay từ đầu đã cho ra những tấn clinker tốt nhất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh, nghiệm thu chạy thử nhà máy.

Trước những đòi hỏi về nhu cầu nhân lực nhằm đáp ứng quá trình vận hành nhà máy và công tác sản xuất kinh doanh lâu dài, được sự chấp thuận của Chính phủ tại văn bản số 954/CP-ĐMDN ngày 18/10/2000, UBND Tỉnh Nghệ An và Tổng công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp XM Việt Nam) đã ký Biên bản bàn giao Công ty Xi măng Nghệ An thuộc UBND tỉnh Nghệ An trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam và đổi tên là Công ty Xi măng Hoàng Mai.

Từ ngày 01/07/2002, sau quá trình sản xuất thử, Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức đi vào hoạt động với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, các thiết bị được cung cấp bởi Tây Âu và khối G7. Nhà máy có lò nung với công suất 4.000 tấn clinker/ngày đốt 100% bằng than Antraxit tiết kiệm nhiên liệu và mang lại hiệu quả kinh tế cao; phương thức kinh doanh áp dụng mô hình bán hàng thông qua hệ thống nhà phân phối chính.

Ngày 09/03/2007 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam.

Ngày 30/11/2007 Công ty Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 27/02/2008 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp XM Việt Nam ban hành Quyết định số: 219/QĐ-XMVN vv điều chỉnh phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai.

Ngày 01/04/2008 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 720 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 70,96% tương đương 510,918 tỷ đồng.

Ngày 09/07/2009 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai chính thức niêm yết 72.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HOM.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã được thông qua, ngày 18/08/2011 Công ty đã thay đổi tên thành Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai.

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Huy chương Vàng cho sản phẩm tại Hội chợ tiềm năng và hội nhập tỉnh Bình Định 2002 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 18/01/2002.

Huy chương Vàng gian hàng Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt nam 2002 do Thứ trưởng Bộ KH và CN cấp ngày 22/10/2002.

Huy chương Vàng Hội chợ quốc tế hàng hoá có nhãn hiệu được bảo hộ năm 2003 do Cục sở hữu công nghiệp cấp ngày 02/5/2003.

Huy chương Vàng cho sản phẩm tại HCTL quốc tế VIETBUILD 2003 do Ban tổ chức hội chợ trao tặng.

Huy chương Vàng sản phẩm xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB 30 tại Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam 2003 do Bộ KH&CN cấp ngày 22/10/2003.

Huy chương Vàng cho sản phẩm tại Hội chợ triển lãm ngành xây dựng Việt Nam 2003 do Thứ trưởng Bộ xây dựng cấp ngày 30/4/2003.

Huy chương Vàng Hội chợ triển lãm VLXD tại TP HCM năm 2003 do Trung tâm tin học và Công ty cổ phần hội chợ triển lãm Quốc tế A.F.C cấp ngày 16/9/2003.

Huy chương Vàng Hội chợ Quốc tế năm 2004.

Huy chương Vàng Hội chợ hàng chất lượng cao Nghệ An lần thứ I năm

2004 do Sở thương mại Nghệ An cấp ngày 08/6/2004.

Cúp Vàng tại Hội chợ hàng chất lượng cao Nghệ an năm 2004 do Sở thương mại Nghệ An cấp ngày 08/6/2004.

Tháng 8 năm 2004 Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 14001.

Huy chương vàng Dấu hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn và Cúp sen vàng cho sản phẩm xi măng Hoàng Mai được Bộ Công nghiệp trao tặng ngày 22/11/2004.

Bảng khen Hội chợ hàng hoá được bảo hộ năm 2003 do Cục sở hữu công nghiệp cấp ngày 02/5/2003.

Bảng khen tại Hội chợ hội nhập kinh tế Quốc tế năm 2004 do Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế cấp ngày 26/8/2004.

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2004 do UBND Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng.

Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2004 do Bộ KH và CN trao tặng.

Cúp vàng Thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam tại Hội chợ triển lãm VIETBUIL HANOI 2005.

Huy chương vàng cho sản phẩm xi măng pooclăng hỗn hợp PCB 30, PBC 40 tại Hội chợ triển lãm VIETBUIL HANOI 2005.

Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2005 do người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức.

Ngày 21/09/2005 được của Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 27/09/2005 được Tổng cục ĐLCL - Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong hoạt động quản lý và xúc tiến chất lượng - Thập niên chất lượng 1996 - 2005.

Ngày 21 tháng 9 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 993/QĐ.TTg tặng bằng khen cho Cty XM Hoàng Mai vì đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 14/10/2005 Công ty xi măng Hoàng Mai là một trong năm doanh nghiệp trên cả nước đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen và Bộ Khoa học & Công nghệ trao tặng giải thưởng “Giải vàng chất lượng Việt Nam năm 2005”, trong tổng số 132 doanh nghiệp được tặng giải.

Với sự phấn đấu bền bỉ trong những năm qua, Công ty xi măng Hoàng Mai đã được Tỉnh ủy, HDND, UBND tỉnh Nghệ An; Bộ Xây dựng, Tổng công ty xi măng Việt Nam tặng nhiều cờ thưởng thi đua.

Kỷ niệm 15 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

Kỷ niệm 20 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Hai.

Trải qua 20 năm phát triển, Vicem Hoàng Mai đã khẳng định được niềm tin thương hiệu với một nền tảng vững chắc về tài chính, nguồn nhân lực. Sự thành công của chặng đường đã qua là động lực để Công ty không ngừng nỗ lực hướng tới tương lai, mở rộng sự phát triển.

HÌNH ẢNH CÁC GIẢI THƯỞNG CỦA XI MĂNG HOÀNG MAI



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh Xi măng, Clinker và Vật liệu xây dựng.

- Địa bàn kinh doanh chính: Hoạt động sản xuất chính của công ty tiến hành tại Nhà máy Xi măng Hoàng Mai, đặt tại thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty trải rộng khắp các tỉnh Bắc miền trung (Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh) thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các nhà phân phối và đại lý.

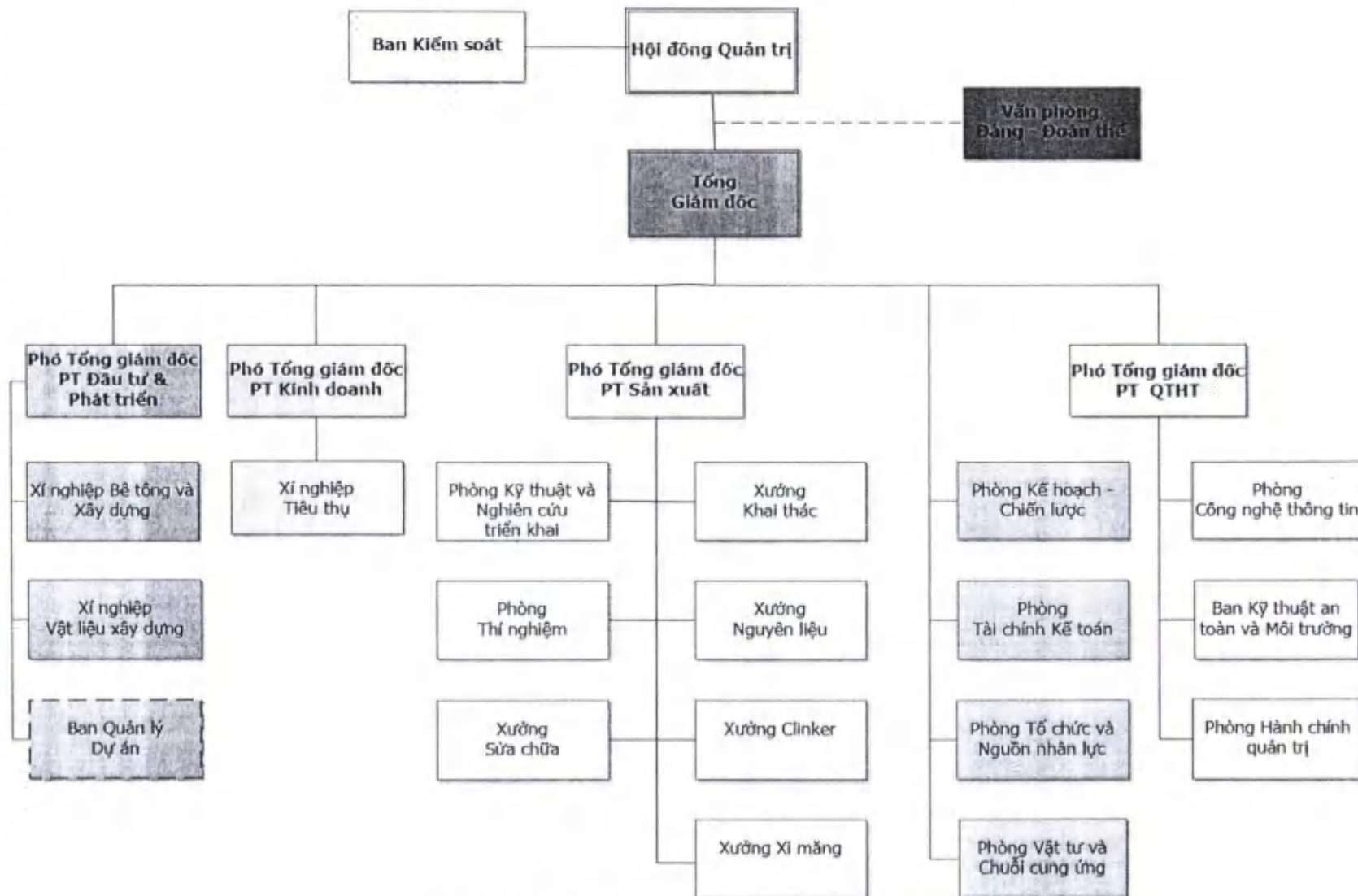
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mô hình quản trị: Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam – cổ đông nhà nước nắm giữ 70,96% vốn cổ phần của công ty. Phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty, trên nguyên tắc tập dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc khi thực thi nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, Công ty đã thành lập 18 phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc và 01 Văn phòng Đảng - đoàn thể, được phân chia theo chức năng gồm: 09 phòng ban, 5 phân xưởng, 03 xí nghiệp và 01 Ban Quản lý dự án. Các phòng, ban, xưởng khác nhau đều có mối quan hệ với nhau nhằm hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.



Sơ đồ tổ chức Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

• **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng đề kỳ họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.

• **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch, và 06 ủy viên, trong đó có Tổng giám đốc. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị:

*** Bà Trần Thị Minh Anh: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Giới tính : Nữ Ngày tháng năm sinh: 26/10/1962

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Quảng Ngãi

Giấy CMND số:011699960 Ngày cấp 22/7/2004 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Số 12, ngõ 34 Hoàng Cầu, Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 04. 38512425

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, Cử nhân ngoại thương

Quá trình công tác:

+ 1985 - 1990 :: Tổng cục địa chất, Tổng cục dầu khí

+ 1990 – 1998 :: CV Phòng XNK - Công ty XNK xi măng

+ 1998 – 2001 :: Phó phòng XNK - Công ty XNK xi măng

+ 2001 – 2/2010 :: Phó giám đốc Công ty XNK xi măng

+ 02/2010 đến 2015: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CN xi măng

Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân

+ 2016 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CN xi măng Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CN xi măng Việt Nam

Số cổ phần HOM nắm giữ: 16.891.800 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 16.891.800 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Dương Đình Hội: Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai - Bí thư Đảng ủy Công ty.**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 20-09-1957

Dân tộc: kinh Tôn giáo: Không Quê quán: Nga Sơn, Thanh Hóa

Số CMND: 171440683 Ngày cấp: 02/12/2008 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường Lam Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi ngành thi công

Quá trình công tác:

+ 06/1980 – 11/1981: KTV Xưởng cấp thoát nước – Nhà máy xi măng Bim Sơn.

+ 12/1981 – 02/1982: Trưởng ca sản xuất - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.

+ 03/1982 – 04-1982: Phó quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.

+ 05/1982 – 05/1985: Quyền quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.

+ 06/1985 – 09/1999: Quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.

+ 09/1999 – 06/2005: Trưởng phòng Tổ chức lao động Cty XM Bim Sơn.

+ 07/2005 – 11/2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Xi măng Bim Sơn.

+ 12/2011 – 12/2014: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn, Bí thư Đảng ủy Công ty.

+ 12/2014 – Nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Bí thư Đảng ủy Công ty.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 14.400.000 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 14.400.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Nguyễn Công Hoà: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 06/01/1958

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Nghệ An

Số CMND: 186528789. Ngày cấp: 27/10/2006. Nơi cấp: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: C.ty CP XM Vicem Hoàng Mai - TX Hoàng Mai, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc : 0383. 668071

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy

Quá trình công tác:

+ 1982 – 1985: Công tác tại Công ty Xi măng Bim Sơn, Thanh Hóa.

+ 1985 – 1990: Thực tập sinh tại Tiệp Khắc.

+ 1990 – 1996: Kỹ thuật viên VP cơ khí trưởng Công ty Xi măng Bim Sơn.

+ 1996 – 1997: Phó quản đốc xưởng sửa chữa Công ty Xi măng Bim Sơn.

+ 1997 – 2001: Phó phòng Vật tư, Công ty Xi măng Bim Sơn.

+ 2001 – 2004: Trưởng phòng Vật tư, Công ty Xi măng Hoàng Mai.

+ 2004 – 2006: Trưởng phòng Cơ điện, Công ty Xi măng Hoàng Mai.

+ 2006 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 3.965.000 cổ phần

Trong đó :

- + Sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phần
 + Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 3.960.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Nguyễn Quốc Việt: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 17 – 06 – 1972

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Nghệ An

Số CMND : 181791170 Ngày cấp : 09/10/2006 Nơi cấp: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: C.ty CP XM Vicem Hoàng Mai – TX Hoàng Mai, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán, thạc sỹ kinh tế.

Quá trình công tác :

- + 1995 – 1996: Công tác tại Nhà máy dệt kim Hoàng Thị Loan.
- + 1996 – 2007: Công tác tại Phòng TCKT – Cty XM Vicem Hoàng Mai.
- + 2007 – 15/01/2011: Kế toán trưởng Cty cổ phần XM Vicem Hoàng Mai.
- + 15/01/2011 – nay: Phó Tổng GD Cty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 3.965.200 cổ phần

Trong đó :

- + Sở hữu cá nhân : 5.200 cổ phần
- + Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 3.960.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Đậu Phi Tuấn: Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng Kế hoạch chiến lược Công ty cổ phần XM Vicem Hoàng Mai**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 27-08-1973

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Quỳnh Lưu – Nghệ An

Số CMND : 181908582 Ngày cấp : 18/06/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Khối 1 –TX Hoàng Mai, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ - Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác :

+ 1996 – 1997: Chuyên viên P.Hành chính quản trị Công ty KukDong Hàn Quốc.

+ 1998 – 10/1999: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty KukDong – Hàn Quốc.

+ 2000 – Tháng 03/2006: Chuyên viên phòng Tổ chức lao động Công ty CP XM Hoàng Mai.

+ 2008 – Tháng 07/2009: Phó chánh văn phòng – thư ký giám đốc – thư ký Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Hoàng Mai.

+ 2010 – 2012: Trưởng phòng Tổ chức - Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ - Bí thư chi bộ phòng Tổ chức Công ty CP xi măng Hoàng Mai.

+ 2013 – Nay: Trưởng phòng Kế hoạch - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 3.971.500 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 11.500 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 3.960.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Trần Đức Danh: Ủy viên HĐQT Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai**

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 06-07-1973

Dân tộc: kinh

Tôn giáo: không

Quê quán: Đô Lương – Nghệ An

Số CMND : 182308718

Ngày cấp : 20/04/2005

Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Yên Sơn – Đô Lương – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác :

+ 1993 – 1995: Đi bộ đội.

+ 1996 – tháng 10/2014: Kinh doanh tại Nghệ An.

+ Tháng 11/2014 – Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Đỗ Tiến Trình: Ủy viên HĐQT Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 14-06-1979

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Thọ Xuân – Thanh Hóa

Số CMND : 171 848 306 Ngày cấp : 19/05/2011 Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Xã Yên Sơn – huyện Thọ Xuân – Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

+ Từ 1997 - 2002: Học ngành công nghệ vật liệu Silicat Đại học Bách khoa Hà Nội

+ Từ 2011-2013: Học Cao học ngành Quản trị kinh doanh - Viện Công nghệ Châu Á

+ Từ 9/2002 - 7/2008 : Kỹ sư vận hành, KTV Phòng Điều hành sản xuất, Công ty CP Xi măng Bim Sơn

+ Từ 8/2008 - 10/2011 : Phó phòng Kỹ thuật, Ban quản lý dự án, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

+ Từ 11/2011 - 2/2012: Phó phòng Kỹ thuật sản xuất/Phụ trách Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

+ Từ 03/2012 - 9/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

+ Từ 10/2014 - 2/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

+ Từ 3/2016 - nay: Trưởng phòng Kỹ thuật & Công nghệ Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 3.960.000 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 3.960.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

• **Ban kiểm soát:** Do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty; Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 4 thành viên.

Thành viên Ban kiểm soát

* Ông Phạm Đức Trung: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 02-05-1968

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Ý Yên, Nam Định

Số CMND : 012580313 Ngày cấp : 13/11/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác :

+ Từ 09/1992 đến 03/1995: Chuyên viên phòng Kế toán Công ty xi măng Hà Tiên 2

+ Từ 03/1995 đến 03/2004; Chuyên viên phòng Kế toán tài chính Tổng công ty xi măng Việt Nam

+ Từ 04/2004 đến 03/2008 : Công tác tại phòng Quản lý vốn Tổng công ty xi măng Việt Nam. Được bổ nhiệm là Phó phòng Quản lý vốn từ ngày 08/03/2007

+ Từ 04/2008 đến 3/2012 : Phó phòng Kế toán thống kê tài chính Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

+ Từ 03/2012 đến 10/2014 : Trưởng phòng Kế toán thống kê tài chính và Nguồn vốn Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

+ Từ 11/2014 đến nay: Kế toán trưởng Tổng Cty CN Xi măng Việt Nam.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 3.960.000 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 3.960.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Lê Văn Chiên: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 15-04-1958

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Diễn Châu – Nghệ An

Số CMND : 141174632 Ngày cấp : 22/06/2007 Nơi cấp: CA Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa

Quá trình công tác :

+ Từ 1980 - 2000: Công nhân Xưởng điện – Công ty XM Hoàng Thạch

+ Từ 2001 – 3/2004: Phó Quản đốc Xưởng điện – Cty XM Hoàng Mai.

+ Từ 4/2004 - Nay : Phó phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 2.700 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 2.700 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 2.500 cổ phần

*** Ông Nguyễn Xuân Sơn: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 13-12-1973

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Diễn Châu – Nghệ An

Số CMND : 181924607 Ngày cấp : 14/04/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: P. Quán Bàu – TP Vinh – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác :

+ Từ 1996 - Nay: Cán bộ Xí nghiệp tiêu thụ Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Nguyễn Hữu Thất: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 22-09-1961

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Nam Đàn – Nghệ An

Số CMND : 186440219 Ngày cấp : 06/11/2004 Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: TP Vinh – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Quá trình công tác :

+ Từ 6/1983 – 12/1983: Tổ trưởng sửa chữa điện – Cty xi măng Bim Sơn

+ Từ 1984 – 4/1998: Trưởng ca sản xuất – Cty xi măng Bim Sơn

+ Từ 5/1998 – 2/2001: Cán bộ kỹ thuật phòng năng lượng – Công ty XM Bim Sơn

+ Từ 3/2001 – 12/2001: Cán bộ kỹ thuật phòng cơ điện: Công ty XM Hoàng Mai

+ Từ 2002- 4/2004: Phó quản đốc Xưởng điện – Cty xi măng Hoàng Mai.

+ Từ 2004 - 2009: Phó quản đốc Xưởng lò nung - Cty xi măng Hoàng Mai.

+ Từ 2010 - Nay: Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông - Cty XM Hoàng Mai.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Bà Thái Thị Thu Hương: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.**

Giới tính: Nữ Ngày/tháng/năm sinh: 26-06-1985

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Đô Lương – Nghệ An

Số CMND : 186110374 Ngày cấp : 30/07/2001 Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: TP Vinh – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

+ Từ 11/2009 - Nay: Chuyên viên Phòng Tổ chức và nguồn nhân lực – Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

● **Bộ máy điều hành:** Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như quản trị hệ thống; đầu tư và phát triển; sản xuất; kinh doanh.

Thành viên Ban điều hành

*** Ông Dương Đình Hội: Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai - Bí thư Đảng ủy Công ty.**

*** Ông Nguyễn Công Hoà: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai**

*** Ông Nguyễn Quốc Việt: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai**

*** Ông Trần Việt Hồng: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 20-07-1971

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Đô Lương – Nghệ An

Số CMND : 141 955 002 Ngày cấp : 04/09/197 Nơi cấp: CA Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

- + Từ 1995 - 1999: Kỹ thuật viên Xưởng cơ khí - Công ty XM Hoàng Mai.
- + Từ 1999 - 2000: Trưởng ca Xưởng cơ khí - Công ty xi măng Hoàng Mai.
- + Từ 2001 - 2004: Phó Quản đốc Xưởng cơ khí - Cty xi măng Hoàng Mai.
- + Từ 2004 - 2007 : Quản đốc Xưởng cơ khí - Công ty xi măng Hoàng Mai.
- + Từ 2008 - 2011: Trưởng phòng Cơ Điện - Công ty xi măng Hoàng Mai.
- + Từ 2011 - Nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty xi măng Hoàng Mai.
- + Từ 10/2014 - 2/2016: Phó Tổng Giám đốc Cty cổ phần XM Bim Sơn.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó :

- + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

*** Ông Đặng Ngọc Long: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai**

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 22-09-1965

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Quỳnh Lưu – Nghệ An

Số CMND : 181901530 Ngày cấp : 05/05/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: P. Hưng Bình – TP Vinh – Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kế toán

Quá trình công tác :

+ Từ 1988 - 1992: Kế toán trưởng Nhà máy rượu 3/2 Nghĩa Đàn – thuộc sở công nghiệp Nghệ An.

+ Từ 05/1992 – 12/1992: Chuyên viên Sở công nghiệp Nghệ An.

+ Từ 1993 - 2000 : Kế toán trưởng Công ty Khoáng sản Nghệ An.

+ Từ 2000 - 2006: Giám đốc Công ty Khoáng sản Nghệ An.

+ Từ 2006 - 2010: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên môi trường Nghệ An.

+ Từ 2010 – 09/2016: Giám đốc Ban quản lý dự án Đông Hội – thuộc Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam.

+ Từ T9/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

- Các Công ty con, công ty liên kết: Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển**Gạch Block**



Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai đã đạt được những thành quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Với quyết tâm không ngừng đổi mới, sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, xúc tiến hoạt động xuất khẩu xi măng sang thị trường nước ngoài,.. Tuy nhiên, nhìn vào kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2013 đến nay, Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận. Để giải quyết bài toán tăng trưởng với quyết tâm đổi mới, trong giai đoạn từ năm 2017 – 2025, Công ty triển khai các định hướng và mục tiêu phát triển hướng đến đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng như sau:

*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Về sản xuất

+ Ổn định chất lượng xi măng với chất lượng theo các chỉ tiêu chất lượng quy định chung của Tổng công ty đảm bảo độ lệch chuẩn dưới 1%; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

+ Thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất, đặc biệt đối với tiêu hao than thực hiện đạt 800 kcal/kg clinker theo chỉ tiêu Ngân sách năm 2017 với mức nền clinker bình quân đạt 56 N/mm²; kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức tối ưu nhất nhằm nâng

cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Khảo sát tính toán, tổ chức lại việc khoan, khai thác, bốc xúc vận chuyển đá vôi, đá sét theo định hướng thuê khoán theo sản phẩm về đến trạm đập để giảm giá thành đá vôi, đá sét sử dụng sản xuất clinker.

+ Nghiên cứu tính toán hiệu quả để triển khai các đề tài như: sử dụng xỉ đáy nhám máy nhiệt điện thay thế một phần đá bazan, nghiên cứu sử dụng thạch cao nhân tạo của nhà máy nhiệt điện, giảm tỉ lệ pha CLK trong các loại sản phẩm xi măng cụ thể tỷ lệ clinker trong xi măng PCB40 là 62% và tỷ lệ clinker trong xi măng PCB 30 là 50%, xi măng C91 là 45%.

+ Lập và triển khai thực hiện công tác sửa chữa thiết bị trong các đợt sửa chữa lớn đảm bảo chất lượng, tiến độ, đảm bảo thời gian huy động thiết bị lò nung hoạt động tối thiểu 330 ngày với năng suất bình quân 4.100 tấn clinker/ngày.

+ Thực hiện tốt một số nội dung sửa chữa, cải tạo phần công nghệ và thiết bị chính, quan trọng gồm: Cải tạo ghi làm nguội, cải tạo phần móng ngựa ghi làm nguội clinker để tăng hiệu suất thu hồi nhiệt năng; Xây lại gạch của 2 cyclone C5 nhằm giảm thất thoát nhiệt năng và tăng khả năng lắng của 2 cyclone; Thay các cặp vòng bi con lăn máy nghiền liệu, thay tấm lót con lăn máy nghiền liệu, máy nghiền than để tăng năng suất máy nghiền, giảm tiêu hao điện năng; Sửa chữa và thay thế phụ tùng hộp giảm tốc máy nghiền bi và máy nghiền CKP; tính toán bổ sung bi đạn và thay mới tấm lót thân máy nghiền bi với mục tiêu tăng năng suất máy nghiền xi măng, giảm tiêu hao điện năng, đáp ứng yêu cầu sản xuất 1.880.000 tấn xi măng trong năm 2017.

+ Sửa chữa lò nung, thay toàn bộ vật liệu chịu lửa lò nung clinker với mục tiêu sản xuất đạt 1.353.000 tấn clinker với mức nền bình quân đạt tối thiểu 51 N/mm².

+ Hoàn thiện các thủ tục cấp phép mỏ, đền bù triển khai công tác thiết kế, thi công khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 3 đáp ứng nguyên liệu đá cho sản xuất.

+ Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị, không để xảy ra sự cố thiết bị tai nạn lao động đáng tiếc trong năm 2017.

- Về tiêu thụ

+ Cam kết đáp ứng đầy đủ, kịp thời số lượng, chất lượng xi măng cho khách hàng.

+ Bám sát thị trường, chủ động điều hành giá bán, cơ chế chiết khấu, khuyến mại linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tế diễn biến của thị trường tại từng vùng vừa gia tăng lợi ích cho NPP vừa đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng sản lượng tiêu thụ, giành lại thị phần tại các thị trường chính (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh).

+ Tiếp tục mở rộng độ phủ thị trường thông qua việc phát triển nhanh hệ thống nhà phân phối kết hợp với việc thực hiện hiệu quả công tác quản trị tại Công ty. Song song đó, để duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, Công ty sẽ tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, đồng thời tập trung nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, chuẩn bị đón đầu xu thế hội nhập trong thời gian tới.

+ Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiêu thụ sản phẩm, tăng sản lượng tiêu thụ trong khối dân sinh, tăng tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời tại các địa bàn chính.

+ Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

- Về đầu tư

+ Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đối với Dự án Nhà máy xi măng Hoàng Mai 2 nhằm gia tăng năng lực sản xuất, tăng cường khả năng cung ứng sản phẩm tại các thị trường.

+ Hoàn thiện các thủ tục cấp phép mỏ, đền bù, triển khai công tác thiết kế, thi công, khai thác mỏ đá với Hoàng Mai B giai đoạn 3, đáp ứng nguyên liệu đá vôi cho sản xuất xi măng.

+ Chuẩn bị các điều kiện để triển khai khởi công trạm nghiền xi măng tại Khu Đông Hồi; Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án lắp đặt đường ống nước từ các trạm giếng khoan về nhà máy, dự án sửa chữa tháp trao đổi nhiệt và Dự án khoan, thăm dò trữ lượng mỏ tại Tân Thắng phục vụ nguyên liệu cho dây chuyền sản xuất xi măng số 2.

+ Tiên hành đầu tư, triển khai và xây dựng kế hoạch lắp đặt hệ thống thiết bị phát điện tận dụng nhiệt thừa khí thải ra của lò nung clinker để sản xuất, tự túc một phần điện năng và giảm tải ô nhiễm môi trường.

- Về an sinh xã hội

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ người lao động ở tất cả các lĩnh vực thông qua việc triển khai các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo ngắn

hạn, đào tạo dài hạn.

+ Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế trả lương, thi đua, khen thưởng, và các quy định khác liên quan đến chế độ, chính sách của người lao động.

+ Đảm bảo 100% người lao động của Công ty có việc làm ổn định với mức tiền lương năm 2017 cao hơn năm 2016 (lương bình quân năm 2014 = 102 tỷ/995 người/ 12 tháng = 8,54 triệu đồng/người; năm 2015 = 114,7 tỷ/986 người/12 tháng = 9,69 triệu đồng/người/tháng; năm 2016 = 114,7 tỷ/974 người /12 tháng = 9,81 triệu đồng/người/tháng).

+ Đảm bảo tốt điều kiện làm việc, sinh hoạt và các chế độ liên quan đến người lao động như chế độ tiền lương, BHXH, chế độ ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, bảo hộ lao động, chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật ...

+ Tổ chức đảng, công đoàn cùng chuyên môn phối hợp chặt chẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua trong toàn công ty với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2017 đã đề ra.

+ Nghiên cứu cải tiến trang thiết bị nhằm hạn chế tối đa các chất thải độc hại trong quá trình sản xuất, đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe người lao động.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tối ưu hóa năng lực sản xuất của dây chuyền công nghệ, áp dụng các công cụ tiên tiến trong quản lý sản xuất. Vận hành hiệu quả, ổn định để nâng cao sản lượng sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng, nhất là những tháng xây dựng cao điểm, kiểm soát sự tuân thủ quy trình công nghệ, sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm xi măng ổn định chất lượng; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, bản khoản của khách hàng để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng ổn định và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn các yêu cầu của người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm thời gian dừng lò để sửa chữa nhằm đạt và vượt công suất thiết kế; Nâng cao chất lượng và mác xi măng, tối ưu tỷ lệ pha phụ gia, tro xỉ nhiệt điện, xỉ hạt lò cao..., để giảm tỷ lệ clinker, giảm lượng khí thải CO, NOx, SO2, hydrocacbon...

- Sản xuất các chủng loại xi măng mác cao, xi măng bền sunphat sử dụng cho những công trình chịu tác động của nước biển, vùng đất nhiễm mặn,... giúp

tăng cường khả năng chống ăn mòn của các ion sulfat, clo cho bê tông... Tăng tỷ trọng các sản phẩm sau sản xuất xi măng như bê tông, gạch không nung để nâng cao được sức cạnh tranh.

- Tận dụng và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp để làm nhiên liệu, làm phụ gia cho xi măng để giảm giá thành, triển khai sản xuất chủng loại xi măng chuyên dùng xây trát cao cấp, hướng vào phân khúc thị trường xi măng giá thấp.

- Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng thông qua việc trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị lọc bụi túi thể hệ mới thay thế lọc bụi tĩnh điện để đảm bảo giảm nồng độ bụi trong khí thải.

- Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sư, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện công tác quản trị và nhân sự nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty để Công ty phát triển bền vững, bắt kịp trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước thông qua việc triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường của Công ty và các Nhà phân phối, bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường. Từ đó, mở rộng độ phủ của sản phẩm xi măng Hoàng Mai trên thị trường.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội, cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Về môi trường

Với phương châm duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, Công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường. Cụ thể, Công ty đã và đang triển khai - sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO thải ra bên ngoài.

+ Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng -

An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015; ISO 14001-2015. Công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Cùng với việc đảm bảo hoạt động ổn định liên tục của các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn; công tác bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường cũng được Công ty đặc biệt quan tâm. Thực tế cho thấy kết quả giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, kho từ lúc hoạt động đến nay đều đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

+ Kiểm tra, đánh giá tác động của các dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

Có thể nói công tác bảo vệ môi trường đã được Công ty thực hiện tốt nên trong năm 2016 không hề xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường và không có ghi nhận vi phạm pháp luật trong các đợt thanh kiểm tra của cơ quan chức năng các cấp.

- Về xã hội, cộng đồng

+ Thực hiện nhiều giải pháp khả thi trong công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy. Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho CBCNV Công ty theo đúng yêu cầu luật định. Hàng tháng tổ chức đoàn kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động của các đơn vị trực thuộc từ đó đề xuất với chuyên môn để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, điều kiện làm việc cho người lao động.

+ Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% CBCNV của công ty làm việc tại Nhà máy, các kho.

+ Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

+ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn:

+ Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, kết hợp với bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy xi măng xanh - sạch - đẹp.

+ Tham gia công tác quản lý, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.

Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

5. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016.

5.1. Rủi ro trong hoạt động sản xuất và vận hành nhà máy.

Nhà máy xi măng Hoàng Mai đã vận hành liên tục và hoạt động sản xuất gần 20 năm, mặc dù được sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên nhưng thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ đang có xu hướng giảm tuổi thọ, bước vào giai đoạn tăng nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới nguy cơ nhà máy ngừng hoạt động để khắc phục, và thời gian dừng hoạt động của nhà máy sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng có nguy cơ tác động đến môi trường, an toàn lao động và chi phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn 02 lần/năm có xu hướng tăng cũng làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm sản xuất. Với đặc thù Nhà máy xi măng vận hành liên tục và hoạt động sản xuất trên 20 năm nên thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ đang có xu hướng giảm tuổi thọ, tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến sự cố kỹ thuật hay an toàn lao động tại Nhà máy. Bên cạnh đó, chi phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn 02 lần/năm có xu hướng tăng cũng làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm sản xuất. Ngoài ra, nguy cơ rủi ro về cháy nổ cũng tăng cao.

5.2. Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào.

Với ngành xi măng, bình quân mỗi tấn xi măng sản xuất phải sử dụng 84 kwh điện, chi phí điện chiếm khoảng 14% giá thành. Giá xăng dầu, giá gas biến

động theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng cũng biến động cùng chiều làm ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản. Điều này dẫn đến sản lượng tiêu thụ xi măng cũng biến động không ngừng.

Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất tăng cao trong những năm tới trong khi giá bán xi măng không tăng hoặc tăng không đồng đều trong và ngoài VICEM, gây khó khăn trong việc tiêu thụ xi măng, hiệu quả SXKD ngày càng giảm. Bên cạnh đó, trong những năm tới nguồn than có khả năng bị thiếu hụt, nguồn cung cấp than sẽ cạn kiệt dần, khả năng cung cấp và giá cả sẽ biến động lớn do ngành than nhiều lần yêu cầu tăng giá. Ngoài ra, giá nhập khẩu thạch cao, clinker liên tục tăng, cộng với khó khăn về vận tải và cước phí tăng cao sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng sản xuất và làm giảm doanh thu của công ty.

Để hạn chế rủi ro này, trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể Nhà máy theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.

5.3. Rủi ro về thị trường.

Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các doanh nghiệp đã tìm hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, do giá thành cao, cơ sở hạ tầng như cảng biển, phương tiện vận tải chưa đồng bộ... nên công tác xuất khẩu xi măng gặp rất nhiều khó khăn. Vấn đề này được xem là thách thức lớn nhất đối với ngành xi măng nói chung và cho các đơn vị sản xuất kinh doanh xi măng trong Tổng công ty công nghiệp xi Măng Việt Nam nói riêng.

Tình hình thị trường tiêu thụ xi măng năm 2016 đã thực sự cạnh tranh quyết liệt do nguồn cung trong nước dư thừa. Trước những thách thức này, Vicem Hoàng Mai đã hoàn thiện đề án nâng cao năng lực hệ thống kênh phân phối hiện có, rà soát và hoàn thiện chính sách bán hàng, hậu mãi, đồng thời đẩy mạnh kế hoạch xuất khẩu xi măng.

5.4. Rủi ro biến động lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Nhất là theo dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ lạm phát cao do chi phí y tế, giáo dục tăng.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

Để kiểm soát rủi ro này, Vicem Hoàng Mai đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm.

5.6. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.

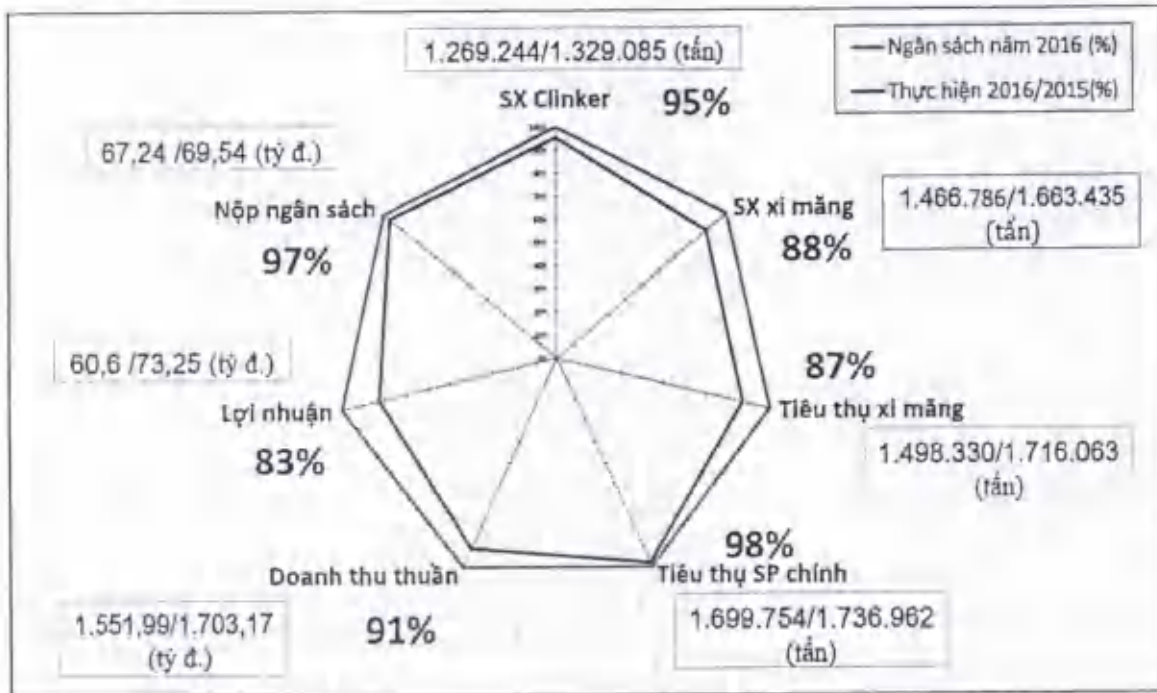
II. Tình hình hoạt động trong năm

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Do xu hướng suy thoái kinh tế toàn cầu và một loạt thiên tai và sự cố môi trường, năm 2016 nền kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều biến động: tăng trưởng GDP đạt 6,2%, giảm 0,5% so với năm 2015; CPI bình quân tăng 2,66% so với bình quân năm 2015; lạm phát cơ bản bình quân tăng 1,83% so với bình quân năm 2015.

Thị trường xi măng Việt Nam cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn. Áp lực cạnh tranh ngày càng lớn với 16 thương hiệu tham gia trên thị trường chính là Nghệ An, Hà Tĩnh gây thêm nhiều khó khăn trong cạnh tranh tại các địa bàn chính của Công ty

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	TH.2016/ KH 2016	TH.2016/ TH.2015
A	SẢN XUẤT						
1	Clinker	Tấn	1.310.000	1.329.085	1.269.244	96,8%	95,5%
2	Xi măng	Tấn	1.720.000	1.663.435	1.466.786	85,3%	88,2%
1	Gạch block	Viên	12.000.000	10.045.313	7.494.107	62,5%	74,6%
2	Đá VLXD	M3		316.067	149.283,90		47,2%
3	Bê tông	M3	33.000	32.985	33.843	102,6%	102,6%
B	TIÊU THỤ						
1	Tổng SLTT	Tấn	1.780.000	1.736.962	1.699.754	95,5%	97,9%
	- Xi măng	Tấn	1.720.000	1.716.063	1.498.330	87%	87,3%
	- Clinker	Tấn	60.000	20.899	201.424	335,7%	963,8%
2	Gạch block	Viên	12.000.000	9.755.720	6.868.363	57,2%	70,4%
3	Đá VLXD	M3		307.736	161.858,90		52,6%
4	Bê tông	M3	33.000	32.985	34.317	104,0%	104,0%
C	TÀI CHÍNH						
1	Doanh thu thuần	Tỷ đ	1.740,76	1.703,17	1.551,90	89,2%	91,1%
2	Đầu tư XD	Tỷ đ	79,4	17	47	59%	276,5%
3	Lợi nhuận Trước thuế	Tỷ đ	74,587	73	61	81,8%	82,7%
4	EBITDA	Tỷ đ	234	234	214	91,4%	91,5%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đ	82,1	70	67,24	81,9%	96,7%

Các chỉ tiêu- so sánh thực hiện 2016/ thực hiện 2015:

* Lợi nhuận năm 2016 là 61 tỷ đồng, giảm 18% so với năm 2015 (đạt 74 tỷ đồng). EBITDA năm 2016 là 214 tỷ, giảm 8,5% so với năm 2015 (234 tỷ) do: sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng giảm, tiêu hao dầu tăng 1,44 kcal/kg CLK, tiêu hao điện sản xuất xi măng tăng 7,27 Kwh/tấn, thuế suất thuế tài nguyên và môi trường tăng mạnh từ 01/07/2016.

* Lợi nhuận thực hiện năm 2016 là 61 tỷ đồng, giảm 13,6 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2016 (lợi nhuận KH năm 2016=74,587 tỷ đồng) chủ yếu là do sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ giảm.

Năm 2016, hoạt động SX - KD của Công ty còn một số hạn chế cần được khắc phục, đó là:

Một số thiết bị xe máy mô sử dụng lâu năm hoạt động không hiệu quả; Một số thiết bị chính qua hơn 16 năm hoạt động đã đến chu kỳ sửa chữa thay thế.

Lực lượng làm công tác thị trường cần được đào tạo chuyên nghiệp, tinh nhuệ.

Tổng số nhân sự còn lớn, bộ máy chưa thực sự tinh gọn.

Một số bộ phận còn thiếu tinh thần xây dựng trong phối hợp xử lý công việc.

Các hạn chế này là thách thức không nhỏ mà Công ty cần phải khắc phục ngay khi thị trường cạnh tranh cao và ngày một gay gắt.

Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

- Triển khai sản xuất, kinh doanh sản phẩm xi măng xây trát C150, phù hợp về giá cả và đạt tiêu chuẩn chất lượng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Những thay đổi trong ban điều hành

- Ông Lưu Đình Cường không đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 06/05/2016.

- Ông Đặng Ngọc Long được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 16/09/2016.

- Bà Đậu Thị Nga được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 20/10/2016.

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Trong bối cảnh nền kinh tế xã hội năm 2016 gặp nhiều khó khăn, Công ty đã nỗ lực và cố gắng đảm bảo ổn định các chính sách đối với người lao động.

+ *Tình hình lao động:* Tổng số cán bộ, công nhân viên của công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 972 người, trong đó lao động nữ là 180 người chiếm 18,5%, tỷ lệ này phù hợp với một công ty sản xuất công nghiệp. Tuổi bình quân của CBCNV là 39 tuổi. Phân loại lao động tại Công ty hiện nay là hợp lý, số lao động quản lý, lao động gián tiếp, lao động bán hàng chiếm 23% trong tổng số lao động, còn lại 77% là lao động trực tiếp đúng với quy tắc bố trí lao động hiện nay (Quy tắc 80/20).

+ Chính sách đối với người lao động:

- Rà soát, bổ sung sửa đổi Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với Bộ luật lao động năm 2012, Luật công đoàn năm 2012. Xây dựng Quy chế trả lương, thi đua khen thưởng và các quy định khác liên quan đến chế độ chính sách của người lao động như: tiền lương, tiền thưởng, các chế độ BHXH, BHYT, việc tổ chức thi nâng bậc, xét nâng lương định kỳ; kiểm tra nơi ở, nơi làm việc, chế độ định lượng và chất lượng các bữa ăn ở bếp ăn tập thể. Các nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy chế đều được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong tập thể CNLĐ để hoàn thiện ký kết, ban hành.

- Thăm hỏi động viên kịp thời đoàn viên công đoàn gặp khó khăn, hoạn nạn; thực hiện kịp thời việc hỗ trợ, giúp đỡ cho 23 đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp tết nguyên đán Bình Thân năm 2016 với số tiền trợ cấp là 52.000.000 đồng; Công đoàn Công ty đã đề nghị Ban thường vụ Công đoàn Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam hỗ trợ chi trợ cấp khó khăn cho 25 đoàn viên công đoàn của Công ty có hoàn cảnh khó khăn với mức 500.000 đồng/người;

- Tổ chức thăm và tặng quà cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn nhân tháng công nhân và đề nghị Ban thường vụ Công đoàn Tổng công ty tặng quà cho 6 đoàn viên Công đoàn Công ty thuộc đoàn viên các đơn vị gặp bệnh hiểm nghèo và gia đình gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mỗi người 3.000.000 đồng.

- Động viên kịp thời về vật chất và tinh thần cho công nhân lao động các đơn vị tham gia sửa chữa lớn nhà máy trong năm 2016 nhằm góp phần đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ sửa chữa nhà máy, rút ngắn được thời gian sửa chữa và đạt chất lượng cao.

- Tổ chức gặp mặt, động viên, tặng quà cho 1.304 cháu thiếu niên nhi đồng là con cán bộ công nhân, người lao động của Công ty ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6;

- Tổ chức sinh hoạt hè với các hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian và nghỉ thức Đội thiếu niên cho hơn 200 cháu là con CBCNV của Công ty tại Nhà văn hoá Khu tập thể B tạo điều kiện cho các cháu có sân chơi lành mạnh trong dịp nghỉ hè, giúp CBCNV công ty an tâm công tác;

- Tổ chức gặp mặt và trao phần thưởng cho 764 cháu là con của cán bộ, người lao động của Công ty có thành tích học tập tốt trong năm học 2016- 2017 với số tiền 127.000.000 đồng và khen thưởng cho 21 cháu đậu kỳ thi Đại học năm 2016 với mức thưởng mỗi cháu 700.000 đồng;

- Tổ chức thăm quan du lịch tại Nha trang cho 170 cán bộ, công nhân lao động có thành tích xuất sắc trong năm 2015.

- Tổ chức vui Tết Trung thu và tặng quà cho hơn 1000 cháu thiếu niên, nhi đồng là con CB-CNLĐ Công ty.

- Tổ chức khám sức khỏe theo định kỳ cho 959 người lao động và tổ chức cho 34 người lao động có sức khỏe loại 4, loại 5 đi nghỉ điều dưỡng tại Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng Sầm Sơn Thanh Hóa;

- Mua bảo hiểm thân thể cho toàn bộ công nhân lao động, làm việc với cơ

quan bảo hiểm cung cấp hồ sơ chế độ bảo hiểm thân thể cho CNLĐ ốm đau, tai nạn, chi trả kịp thời đầy đủ cho 62 người lao động không may bị ốm đau, tai nạn với tổng số tiền là 40.000.000 đồng.

- Công đoàn Công ty chỉ đạo mạng lưới ATVSV hoạt động có trách nhiệm, có hiệu quả, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, không để xảy ra tai nạn lao động nặng tại nơi làm việc.

- Năm 2016, công ty đã hoàn thành 2 dự án quan trọng về chính sách quản trị nhân sự và tiền lương, đó là dự án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ tứ điển năng lực, khung năng lực đã hoàn thành và sẽ áp dụng trong năm 2017. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường chính xác năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác.

- Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện ý thức, tác phong công nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và sẵn sàng đầu tư cho các cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chuyên môn giỏi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu mang tính đặc thù ở nước ngoài để tiếp nhận các kinh nghiệm, kiến thức mới phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty cũng như hỗ trợ cho các dự án mới của Công ty. Tăng cường đào tạo tại chỗ, mời giảng viên về đào tạo riêng cho CBCNV theo chương trình, nội dung đặt hàng để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù công việc của công ty. Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành và thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức.

- Tổng số lượt người được đào tạo năm 2016 là 1.999 lượt người với tổng kinh phí đào tạo hơn 4,4 tỷ đồng. Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức danh công việc đảm nhận, đẩy mạnh tổ chức tập trung đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, được sắp xếp công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và mô hình sản xuất kinh

doanh của Công ty; Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ vận hành, kỹ thuật của công ty đã phát huy tốt trình độ để vận hành, bảo dưỡng Nhà máy an toàn, hiệu quả.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2016, Vicem Hoàng Mai đã quyết liệt triển khai các giải pháp để đổi mới và nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu phát triển theo hướng bám sát nhu cầu thị trường, đồng thời tận dụng các lợi thế sẵn có của công ty, một số sản phẩm đã được phát triển thành công và đã được đưa vào sản xuất kinh doanh thực tế.

Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư như dự án xi măng Hoàng Mai 2, dự án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng và cấp lại giấy phép khai thác Mỏ sét Quỳnh Vinh, dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện, Dự án khảo sát thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thăng và Mỏ đá sét đá bạc.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1.862.172	1.754.471	-5,8%
Doanh thu thuần	1.770.252	1.581.420	-10,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.501	59.131	-23,7%
Lợi nhuận khác	(2.953)	1.813	
Lợi nhuận trước thuế	74.548	60.944	-18,2%
Lợi nhuận sau thuế	63.998	52.668	-17,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	4%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghichú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,68	0,75	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,42	0,49	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,5	0,45	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,02	0,82	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,96	6,03	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,95	0,9	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,6%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7%	5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,4%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,3%	4%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Tổng số cổ phần: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Đối tượng	HCCN	CNTD	Tổng cộng	Tỷ lệ SH
I. Cổ đông đặc biệt		51.121.000	51.121.000	71%
1. Hội đồng quản trị		47.153.500	47.153.500	65%
2. Ban Giám đốc		22.330.200	22.330.200	31%
3. Ban kiểm soát		3.962.700	3.962.700	5,5%
4. Kế toán trưởng		4.800	4.800	0,007%
II. Cổ phiếu quỹ		2.771.400	2.771.400	3,85%
III. Cổ đông khác		18.107.600	18.112.400	25,15%
1. Trong nước		14.394.200	13.269.800	18,4%
1.1 Cá nhân		12.320.179	10.797.646	15%
1.2 Tổ chức		2.123.221	2.467.354	3,4%
- Trong đó Nhà nước:				
2. Nước ngoài		3.713.400	4.842.600	6,7%
2.1 Cá nhân		111.400	366.200	0,5%
2.2 Tổ chức		3.552.800	4.476.400	6,2%
CỘNG:		72.000.000	72.000.000	100%

* Số liệu cổ phần nêu trên được chốt tại thời điểm 25/03/2016 phục vụ chốt danh sách thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 cho cổ đông.

* Số lượng cổ phần CNTD của Hội đồng quản trị tại mục I đã bao gồm số lượng cổ phần CNTD của Ban Giám đốc.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2016, Công ty không tăng vốn cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2016, Công ty không thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ. Tính đến hết năm 2016, Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai sở hữu 2.771.400 cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Trong chặng đường phát triển hơn 20 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” luôn được Vicem Hoàng Mai gìn giữ và phát triển như một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Công ty luôn thực hiện đồng thời các mục tiêu Phát triển có hiệu quả về kinh tế, hài hòa các mặt xã hội; Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài, bền vững. Xuất phát từ mục tiêu trên, Công ty đã triển khai:

6.1. Kiểm soát khí thải, bụi:

Công ty đã áp dụng biện pháp để nhằm giảm thiểu phát tán bụi như:

- Lắp đặt và duy trì hoạt động các lọc bụi túi và 04 lọc bụi tĩnh điện (thiết

bị lọc bụi bằng phương pháp này có hiệu suất lọc bụi đạt 99,99% theo ĐTM) tại các vị trí có nguy cơ phát tán bụi để hạn chế tối đa bụi phát tán ra môi trường.

- Các khu vực khác như: Khoan nổ mìn, vận tải bằng ô tô trên mỏ, trên đường nội bộ nhà máy được lấn lu, tưới nước; các cửa đồ của trạm đập đá vôi, sét, thạch cao, bazan, kho chứa nguyên nhiên liệu đều được lắp đặt các lọc bụi túi; tuyến băng tải tiếp nhận nguyên nhiên liệu đầu vào, vận chuyển Clinker có nắp đậy bằng tôn.

- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô các tuyến đường, bãi có nguy cơ phát tán bụi được tưới nước thường xuyên nhằm hạn chế bụi phát tán ra các khu dân cư xung quanh.

- Trồng 16,5 ha cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi lan ra ngoài nhà máy và cải thiện điều kiện vi khí hậu.

Với những biện pháp kiểm soát bụi như trên, trong những năm qua Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai đã hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động không tránh khỏi một số lúc gây tác động đến môi trường do dây chuyền gặp sự cố hoặc do mất điện đột ngột nhưng Công ty luôn xử lý kịp thời trong một thời gian ngắn nên không gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường khu vực xung quanh.

6.2. Kiểm soát tiếng ồn, rung:

- Lắp đặt lò xo, cao su giảm chấn nhằm chống rung, ồn.
- Lắp đặt đệm chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Dùng các vật liệu cách âm cũng như hút âm để kiểm soát tiếng ồn.
- Các bệ đỡ thiết bị được đặt trên móng bê tông bằng công nghệ khoan cọc nhồi nên có độ ổn định cao.
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- Trồng 16,5ha cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn tiếng ồn lan ra ngoài khu vực nhà máy, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6.3. Kiểm soát nước thải:

- Nước sản xuất trong nhà máy được khai thác từ các giếng của Công ty theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2490/GP-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, nước này được sử dụng để làm mát các thiết bị, nguyên liệu, sản phẩm, khí thải và được xử lý theo chu kỳ tuần hoàn

khép kín không thải ra môi trường.

- Nước thải ra môi trường trung bình $26 \text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$, chủ yếu nước sinh hoạt của người lao động trong Công ty. Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường ngoài được thu gom về các bể phốt sau đó lắng lọc và được xử lý bằng phương pháp vi sinh tại hồ chứa nước thải của Nhà máy sau đó mới thải ra sông Sác – xã Quỳnh Vinh – thị xã Hoàng Mai – tỉnh Nghệ An theo giấy phép xả thải (không thải ra đồng ruộng). Nước thải ra luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An cấp giấy phép xả thải số 60/GP-STNMT.TNN ngày 25 tháng 10 năm 2011.

6.4. Kiểm soát chất thải:

- Chất thải rắn được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật. Chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp tại bãi xử lý chất thải của Công ty, chất thải rắn sản xuất được tái sử dụng hoàn toàn; Công ty đã đầu tư xây dựng bãi chôn lấp chất thải để xử lý chất thải rắn của nhà máy và đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 1810/QĐ.UB ngày 31/8/2004, hàng năm bãi chôn lấp được quan trắc, giám sát môi trường theo báo cáo ĐTM.

- Chất thải nguy hại được tách riêng và đưa vào kho lưu trữ, các loại chất thải được phép xử lý (dầu thải, giẻ lau dính dầu, chai thủy tinh dính dầu, chai đựng hóa chất) định kỳ được tiêu hủy tại các vị trí xử lý chất thải nguy hại. Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận cho tự xử lý chất thải nguy hại tại Văn bản số 92/TCMT-TĐ ngày 24/1/2014 của Tổng cục môi trường về việc thay đổi biện pháp xử lý chất thải nguy hại; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH:40.000291 cấp lại lần thứ 7 ngày 22/4/2014.

- Đối với những loại chất thải nguy hại không được phép tự xử lý (bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy hỏng, rác thải y tế) Công ty đã đăng ký lưu trữ tại kho với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định và Hợp đồng thuê đơn vị có đủ chức năng để xử lý là Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường LILAMA.

6.5. Tình hình nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: xem lại có thuế tài nguyên nước không?

Thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2013 của



Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hằng năm theo yêu cầu của Chi cục bảo vệ môi trường Nghệ An là 1.500.000 VNĐ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

6.6. Chế độ quan trắc, giám sát chất lượng môi trường định kỳ:

Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt, hàng năm Công ty luôn thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo các quy định, cụ thể như sau:

- Quan trắc môi trường không khí xung quanh 2 lần/năm; các thông số giám sát: Bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn.

- Quan trắc môi trường khí thải công nghiệp xi măng 2 lần/năm; các thông số giám sát: Bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Quan trắc môi trường nước thải 4 lần/năm; các thông số giám sát: 15 chỉ tiêu gồm: pH, DO, TSS, TDS, S²⁻, NH₄⁺, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, NO₃⁻, PO₄³⁻, COD, BOD₅ và Coliform.

- Quan trắc môi trường nước ngầm 4 lần/năm; các thông số giám sát: 10 chỉ tiêu gồm: pH, CaCO₃, NO₂⁻, COD, Coliform, NH₄⁺, Fe, NO₃⁻, SO₄²⁻, Cl⁻.

- Quan trắc môi trường nước mặt 4 lần/năm; các thông số giám sát: 15 chỉ tiêu gồm: pH, DO, TSS, TDS, S²⁻, NH₄⁺, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, NO₃⁻, PO₄³⁻, COD, BOD₅ và Coliform.

- Quan trắc độ rung 2 lần/năm: 02 vị trí thuộc các khu vực mỏ.

- Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm:

- + Năm 2013: 173.000.000 VNĐ (một trăm bảy mươi ba triệu đồng).

- + Năm 2014: 174.000.000 VNĐ (một trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

- + Năm 2015: 175.000.000 VNĐ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Qua các đợt quan trắc, giám sát môi trường thì các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép và không có nhiều biến động giữa các đợt quan trắc.

6.7. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nhà máy xi măng Hoàng Mai với công nghệ khô, lò quay, công suất ≥4.000 tấn clinker/ngày, 1,4 triệu tấn xi măng/năm. Nhà máy hoạt động theo dây chuyền khép kín từ khâu nguyên liệu đầu vào (nguyên liệu thô) cho tới khi sản phẩm hoàn thành đầu ra (vật liệu xi măng). Quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, thiết bị toàn nhà máy hoạt động 24h trong ngày. Tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ thông qua hệ thống các thiết bị

kiểm tra, hệ thống quản lý chất lượng và các Camera giám sát. Lực lượng lao động trực tiếp được tổ chức làm việc theo 3 ca, tất cả các ngày trong tuần.

- Hóa chất sử dụng:

TT	Hóa chất sử dụng	ĐVT	Số lượng sử dụng/tháng
1	Axit Formic	Lít	0.2
2	Cồn tuyệt đối	Lít	20
3	Amoni III Sulphate	Kg	0.1
4	$K_2Cr_2O_7$	Kg	0.1
5	Axit Boric	Kg	0.2
6	NH_4CH_3COO	Kg	0.2
7	KOH	Kg	0.5
8	$BaCl_2$	Kg	0.5
9	NH_4Cl	Kg	0.2
10	Axit Benzoic	Kg	0.1
11	EDTA	g	100
12	NaOH 0,5N	Hộp	1
13	Ethylene Glycol	Lít	12
14	Glyxerin	Lít	1
15	Cu_2Cl_2	kg	0.1
16	NH_4OH	Lít	4
17	HCl	Lít	4
18	$NaCH_3COO$	Kg	1
19	Na_2SO_4	Kg	2
20	H_2O_2	Lít	0.05
21	Ống chuẩn HCl 0,1 N	Ống	1
22	Ống chuẩn HCl 0,5 N	Ống	2
23	Ống chuẩn EDTA 0,01 M	Ống	2
24	Ống chuẩn EDTA 0,1 M	Ống	1
25	Ống chuẩn NaOH 0,25 N	Ống	2

- Nguyên, vật liệu sản xuất:

TT	Nguyên, vật liệu sản xuất	ĐVT	Khối lượng
1	Đá vôi (bao gồm đá vôi dùng làm VLXD)	Tấn/năm	2.049.501
2	Đá sét	Tấn/năm	237.367
3	Đất giàu sắt	Tấn/năm	50.454
4	Đất giàu silic	Tấn/năm	46.151
5	Đá xít	Tấn/năm	17.516
6	Bazan	Tấn/năm	102.508
7	Thạch cao	Tấn/năm	47.788

6.8. Tiêu thụ năng lượng

Là một trong những đơn vị sản xuất xi măng, Vicem Hoàng Mai luôn nghiên cứu và ứng dụng việc sử dụng năng lượng để giảm tiêu hao hiệu quả nhất.

	2013	2014	2015	2016
1. Điện (kwh/ tấn CLK/năm)	65,98	63,49	62,44	61,52
3.Than (kcal/kg CLK/năm)	955	889	869	842

6.9. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Lượng nước khai thác trung bình khoảng 3.096m³/ngày/đêm. Lượng nước này dùng để phục vụ sản xuất và sinh hoạt;

Nguồn cung cấp: Nước ngầm khai thác từ các giếng khoan của nhà máy.

20% nước phục vụ sản xuất bị bay hơi trong quá trình làm mát, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm... Phần làm mát thiết bị còn lại được hồi lưu, tái sử dụng hoàn toàn không thải ra môi trường ngoài.

Nước thải sinh hoạt thải ra môi trường trung bình 26m³/ngày/đêm. Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường ngoài được thu gom về các bể phốt sau đó lắng lọc và được xử lý bằng phương pháp vi sinh tại 02 hồ chứa nước thải của Nhà máy mới thải ra sông Sác, xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Nước thải ra luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

6.10. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Thực hiện các cam kết của báo cáo đánh giá tác động môi trường qua quá trình thực hiện Công ty đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Nghệ An xác nhận đã lắp đặt các hệ thống xử lý môi trường phù hợp với ĐTM, thực hiện nghiêm túc các hoạt động bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt ĐTM tại Văn bản số 80/XN/KCM ngày 16/9/2002.

** Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường:* Công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm, cụ thể:

- Từ năm 2007-2012 số tiền nộp là: 705.884.354 VNĐ (có phiếu ủy nhiệm chỉ kèm theo).

- Năm 2013 số tiền nộp là: 72.802.925 VNĐ.

- Năm 2014 số tiền nộp là: 72.802.930 VNĐ.

- Năm 2015 số tiền nộp là: 38.490.925 VNĐ.

- Năm 2016 số tiền nộp là: 74.681.511 VNĐ.

Hàng năm Công ty hợp đồng thuê đơn vị vệ sinh thường xuyên tổ chức quét dọn, thu gom, phân loại các loại chất thải nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường trong Công ty và tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý chất thải. Với yêu cầu và tính chất quan trọng của công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe, môi trường, bộ máy quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường đã được kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ.

Qua kết quả đo đạc, khảo sát của các đơn vị quan trắc, giám sát môi trường cho Công ty trong những năm vừa qua cho thấy các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép, chất lượng môi trường tại khu vực khai thác mỏ và xung quanh nhà máy đều đảm bảo, hàm lượng bụi, khí thải đều nằm trong giới hạn của các tiêu chuẩn đã ban hành và không có nhiều biến động giữa các đợt quan trắc.

Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ công tác bảo vệ môi trường trên cơ sở

Luật Bảo vệ môi trường. Phương châm hành động của Công ty là sản xuất phải đi đôi với bảo vệ môi trường.

6.11. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

100% lao động của Công ty có việc làm ổn định với mức tiền lương bình quân 2016 = 9,81 triệu đồng/người/tháng)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/

- Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.

- Năm 2016, Công ty triển khai quyết liệt dự án xây dựng KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực để đưa vào áp dụng nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, công ty luôn cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách và cơ hội thăng tiến cho người lao động.

- Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức

khỏe - Môi trường – Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, OHSAS 18001-2007, ISO 14001-2015.

- Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu tại tất cả các đơn vị của công ty.

- Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV theo chế độ: Nam 01 lần/năm và Nữ 02 lần/năm.

- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thực hiện công tác giám định y khoa và bảo hiểm xã hội cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện giám sát môi trường lao động và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.

- Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng bắt buộc phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp từ những đơn vị có uy tín.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2016, Vicem Hoàng Mai đã xây dựng kế hoạch thực hiện và chủ động triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực như sau: Thực hiện được 56 khóa đào tạo cho 1.999 lượt CBCNV với kinh phí 4,4 tỷ đồng. Công tác đào tạo năm 2016 của Vicem Hoàng Mai đã đạt kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công ty, cũng như đáp ứng nhu cầu và chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Vicem Hoàng Mai.

6.12. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Phối hợp với Đảng ủy, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên công ty tổ chức từ thiện nhân đạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

+ Thăm và tặng quà cho 10 gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng và 03 cháu mồ côi do Công ty nhận phụng dưỡng, trợ cấp nhân dịp Tết nguyên đán năm 2016;

+ Hỗ trợ trên 220 tấn xi măng để ủng hộ các đơn vị và địa phương nâng cấp cơ sở hạ tầng và đường giao thông nông thôn như: Giáo xứ Thuận Giang huyện Quỳnh Lưu, xóm 14 xã Quỳnh Vinh, Trường Tiểu học Quỳnh Vinh C, Trường Quỳnh Lộc A, Trường Quỳnh Trang, UBND Quỳnh Di, Ban chỉ huy quân sự ...thị xã Hoàng Mai; Đại đội 33 Đào Ngư, xã Lượng Minh huyện Tương Dương... để tạo sự gắn kết tốt giữa công ty và chính quyền địa phương.

+ Tặng quà với giá trị trên 2 tỷ đồng cho các cháu học sinh nghèo học giỏi; người khuyết tật & trẻ mồ côi; Hội khuyến học; Gia đình chính sách; Tết vì người nghèo và quỹ Đền ơn đáp nghĩa và các phong trào VHVN-TDTT trên địa bàn tỉnh Nghệ An và chương trình 30A của Chính phủ.

+ Phối hợp tổ chức phát động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về ATVSLĐ-PCCN lần thứ 16; tổ chức trồng cây xanh trong khuôn viên sân vận động Công ty, thu dọn cỏ, rác, làm vệ sinh trong Nhà máy đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp

Với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, Vicem Hoàng Mai cam kết sẽ luôn song hành giữa sản xuất kinh doanh và thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng

6.13. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

- Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể:

+ Vicem Hoàng Mai luôn không ngừng nghiên cứu để đưa ra thị trường chất lượng sản phẩm tốt, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký, giá cả hợp lý..

+ Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, thực nghiệm về sản phẩm.

- Công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật.

- Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.

- Công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp thông qua việc triển khai chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

- Là đơn vị sản xuất mật hàng sử dụng điện, than, dầu khá lớn, ý thức được rằng tiết kiệm năng lượng là góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm giá thành sản phẩm, góp phần bảo vệ môi trường để phát triển bền vững nên hàng năm Cty CP XM Vicem Hoàng Mai tự thực hiện kiểm toán năng lượng để đưa ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng phù hợp như lắp đặt hệ thống biến tần cho các quạt công suất lớn, sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm điện; Vận hành lò nung hoạt động ổn định theo đúng định mức về điện, than và dầu; Liên động giữa các thiết bị chính và phụ trợ.

- Hiện nay Cty đã lập dự án nghiên cứu khả thi: Tận dụng nhiệt khí thải để xây dựng trạm phát điện với công suất 6,5MW để tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường giảm thiểu phát thải CO₂. Dự án này dự kiến sẽ thực hiện hoàn thành vào năm 2017.

- Vicem Hoàng Mai sử dụng tro bay làm giảm tác động đến môi trường: Từ tháng 11/2015 đến nay, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, đã mạnh dạn sử dụng tro bay làm phụ gia sản xuất xi măng vừa mang lại hiệu quả kinh tế, vừa giảm bớt tác hại đến môi trường.



Tro bay của các nhà máy nhiệt điện.

Tro là sản phẩm còn lại sau đốt than để tạo nhiệt năng, được thu hồi sau lọc bụi của nhà máy nhiệt điện, là một loại puzzolan bao gồm SiO_2 , Al_2O_3 , Fe_2O_3 ,... là những tinh cầu tròn, siêu mịn, được cấu thành từ các hạt silic, có cỡ hạt trung bình 9 - 25 μm . Tro bay cho vào xi măng có nhiều tác dụng cụ thể: Giảm tỷ lệ nước/xi măng nên giảm được hiện tượng co ngót bê tông; giúp vữa và bê tông bám dính tốt hơn với cốt thép và cải thiện điều kiện hoàn thiện bề mặt; Làm tăng cường độ ở tuổi muộn, giảm giá thành, tăng khả năng chống thấm, chống ăn mòn Cl^- , tăng độ bền sunphat; Tăng tính bám dính giữa các lớp đổ bê tông do tác dụng làm chậm đông kết của xi măng khi sử dụng tro bay; Làm giảm thoát nhiệt khi thủy hóa xi măng, rất hiệu quả khi thi công bê tông khối lớn.

Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, sử dụng tro bay làm giảm tiêu hao lượng than, tiết kiệm được nguồn tài nguyên khoáng sản cho đất nước, sản phẩm xi măng làm ra có tính nhân văn hơn bởi từ chính sản phẩm này có trách nhiệm với xã hội bảo vệ môi trường.

Công ty sử dụng 90.000 tấn tro bay/năm được mua từ nhà máy Nhiệt điện PVOIL (Hà Tĩnh). Từ khi sử dụng tro bay sản xuất xi măng, sản phẩm được đánh giá chất lượng cao hơn, được khách hàng ưa chuộng hơn.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/2015
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.862	1.754	94%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.770	1.581	89%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	77,5	57,4	74%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-2,95	3,1	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,5	60,6	81%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	63,4	52,1	82%
EBITDA	Tỷ đồng	233,8	214	91,5%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	69,5	67,2	96,7 %
Tỷ lệ cổ tức	%			
EPS	Đồng	712	754	106%

Tổng tài sản của Vicem Hoàng Mai tại thời điểm 31/12/2016 là 1.754 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ (1754/1.862 tỷ đồng) do tăng chi phí khấu hao tài sản.

Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2016 giảm 6% so với cùng kỳ (1754/1.862 tỷ đồng) chủ yếu do giảm các khoản vay nợ tài chính.

Doanh thu thuần năm 2016 đạt hơn 1.581 tỷ đồng, tương đương 89% doanh thu thuần của cùng kỳ năm 2015, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 59,1 tỷ tương đương 76% kết quả của năm trước. Khoản lợi nhuận khác phát sinh không nhiều

Tổng kết lợi nhuận sau thuế năm 2016 của công ty đạt 52,1 tỷ đồng tương

đương 82% năm 2015.

Kết quả nêu trên là sự cố gắng của tập thể lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên Vicem Hoàng Mai trong bối cảnh thị trường xây dựng năm 2016 chưa thật sự ổn định, ngành bất động sản mới dần ảm đạm, cũng như tính cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt. Ban điều hành đánh giá về những khó khăn và thuận lợi như sau:

❖ **Thuận lợi:**

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới làm tăng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, các đơn vị trong Ngành và các Bộ/Ngành có liên quan, đặc biệt là đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại; kịp thời có những sự chỉ đạo hướng giải quyết, biện pháp thực hiện từng sự việc tại từng thời điểm nhằm mục tiêu đảm bảo kinh doanh có lãi và bảo toàn nguồn vốn.

- Đảm bảo uy tín với khách hàng, với đối tác, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, hoạt động một cách có trách nhiệm với xã hội ... tạo được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực sản xuất Xi măng và là địa chỉ đáng tin cậy của cơ quan chính quyền, chủ đầu tư, đối tác và khách hàng.

- Giá xăng dầu, giá gas giảm theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng giảm làm tăng nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản.

- Hệ thống phân phối, kinh doanh được triển khai bền vững đến các vùng tiêu thụ.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp hợp lý. Các phòng ban nghiệp vụ hoạt động theo phân cấp rõ ràng, Hệ thống các quy chế, quy định quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu trong môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh.

- Truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo của toàn thể CBCNV Công ty.

❖ **Khó khăn:**

- Thị trường bất động sản, xây dựng có nhiều khởi sắc nhưng cũng phát sinh nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo gây áp lực đối với các doanh nghiệp. Nhất là sự cạnh tranh diễn ra gay gắt trên nhiều lĩnh vực, nhiều phương thức ... nên đã ảnh hưởng đến tính hiệu quả của các doanh nghiệp.

- Chính sách cắt giảm đầu tư công của Nhà nước; sự thay đổi về chính sách thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản; lãi suất cho vay của ngân hàng vẫn còn cao;

- Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt quá “cầu”, xuất khẩu khó khăn do chi phí cao nên cạnh tranh càng quyết liệt với 16 thương hiệu tham gia trên thị trường chính là Nghệ An, Hà Tĩnh gây thêm nhiều khó khăn trong cạnh tranh tại các địa bàn chính của Công ty. Cung xi măng tiếp tục tăng vọt → giá giảm.

- Nhà máy vận hành đã gần 20 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc, thiết bị, đòi hỏi sự bảo dưỡng, sửa chữa nhiều hơn.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Trong hoạt động sản xuất:

» Tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, công tác này trong năm 2016 đã có nhiều tiến bộ, đã chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh. Công tác rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, giúp giảm giá thành sản xuất.

» Ban lãnh đạo Công ty quyết liệt trong vấn đề cải thiện chất lượng, màu sắc và độ ổn định của xi măng, nâng độ dư mác xi măng rời. Dư mác cao, ổn định: 49 ± 1 N/mm², độ sụt >16 trong 2 giờ).

- Trong hoạt động kinh doanh:

» Mặc dù thị trường xi măng có sự cạnh tranh rất mạnh mẽ nhưng công ty đã duy trì được thị phần, sản lượng tiêu thụ, tạo được chỗ đứng trên thị trường bằng chất lượng sản phẩm, thương hiệu xi măng Hoàng Mai được giữ vững trên thị trường;

» Triển khai các hoạt động chăm sóc trực tiếp: tư vấn kỹ thuật, nâng cao chất lượng, độ ổn định xi măng, dịch vụ chăm sóc lái xe vào nhận xi măng (ăn uống, rửa xe, bơm lốp,...), triển khai các chương trình khuyến khích tiêu thụ (tích lũy điểm, tổ chức cho các NPP xuất sắc học tập nước ngoài, tổ chức đào tạo cho thương vụ, kế toán của NPP).

» Ban lãnh đạo công ty cùng với XN Tiêu thụ tăng cường tạo mối quan hệ với chính quyền địa phương, thương hiệu xi măng Vicem Hoàng Mai được củng cố và phát triển qua các hoạt động vì cộng đồng, nhân ái. Sản lượng tiêu thụ xi măng làm giao thông nông thôn tăng mạnh.

- Trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

» Chuẩn bị các bước để tiến hành thực hiện Dự án xi măng Hoàng Mai 2 như khảo sát, thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thăng, mỏ sét đá bạc; lập dự án đầu tư.

» Dự án xưởng Mỏ đá vôi Hoàng mai B: Thăm dò, bổ sung năng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép; Đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 3; Xây dựng cơ bản bổ sung mỏ Hoàng Mai B giai đoạn 3.

» Dự án đường ống cấp nước từ giếng khoan về nhà máy, khu mỏ, khu văn phòng được triển khai đúng tiến độ và dự kiến hoàn thành trong năm 2017.

- Trong công tác nghiên cứu phát triển: Các nội dung nghiên cứu được đổi mới, tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, sớm đưa các sản phẩm nghiên cứu vào thực tiễn kinh doanh. Kết quả đạt được đến nay là nghiên cứu và đưa vào sản kinh doanh thành công hai sản phẩm mới là xi măng xây trát cao cấp C91 và C150.

- Trong công tác tổ chức, nhân sự: Đã cập nhật, điều chỉnh hoàn thiện sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Ban. Xưởng thuộc bộ máy điều hành của công ty phù hợp với thực tế; sắp xếp lại bộ máy trên cơ sở tinh gọn, giảm bớt cấp quản lý trung gian. Hoàn thành và sẽ đưa vào áp dụng trong năm 2017 dự án KPI và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ tiêu chuẩn năng lực, khung năng lực nhằm đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2016, hoạt động SX - KD của công ty cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục trong thời gian tới khi thị trường cạnh tranh cao và ngày một gay gắt, đó là:

- Cần có những bước đột phá thực sự trong công tác nghiên cứu phát triển.
- Đội ngũ kinh doanh cần năng động, linh hoạt và chuyên nghiệp hơn để phù hợp với thị trường cạnh tranh ngày một khó khăn, khốc liệt.

- Lực lượng làm công tác ĐTXD cần được bổ sung và đào tạo về số lượng, chất lượng, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển của công ty.
- Tổng số nhân sự còn lớn, bộ máy chưa thực sự tinh gọn.
- Một số bộ phận còn thiếu tinh thần xây dựng trong phối hợp xử lý công việc.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Tỷ trọng/ TTS</i>	<i>Năm 2016</i>	<i>Tỷ trọng/ TTS</i>	<i>2016/ 2015</i>
<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>616,9</i>	<i>33%</i>	<i>570,2</i>	<i>32,5%</i>	<i>92,4%</i>
<i>Tiền và các khoản tương đương</i>	<i>202,9</i>	<i>11%</i>	<i>97,4</i>	<i>6%</i>	<i>48%</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>175,7</i>	<i>9%</i>	<i>193,9</i>	<i>11,1%</i>	<i>111%</i>
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>236,6</i>	<i>13%</i>	<i>201,8</i>	<i>11,5%</i>	<i>85%</i>
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			<i>71</i>	<i>4%</i>	
<i>Tài sản dài hạn</i>	<i>1.245</i>	<i>67%</i>	<i>1.184</i>	<i>67,4%</i>	<i>95%</i>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>1080</i>	<i>58%</i>	<i>969</i>	<i>55,2%</i>	<i>90%</i>
<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>26</i>	<i>1,5%</i>	<i>39,6</i>	<i>2,2%</i>	<i>151%</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>137,9</i>	<i>7,5%</i>	<i>174,4</i>	<i>10%</i>	<i>126%</i>
Tổng tài sản	1.862	100%	1.754	100%	94%

* Tổng tài sản đầu năm 2016 là 1.862 tỷ đồng, cuối năm 2016 là 1.754 tỷ đồng, giảm 108 tỷ đồng tương ứng giảm 6%. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 46,6 tỷ đồng, tương ứng giảm 7,6 %; tài sản dài hạn giảm 61,2 tỷ đồng, tương ứng giảm 5%. Tài sản cố định giảm 111 tỷ đồng do: Khấu hao TSCĐ trong năm là 125 tỷ đồng, mua sắm mới 8,7 tỷ đồng, tăng đầu tư XD CB hoàn thành 6,9 tỷ đồng, thanh lý nhượng bán 2,5 tỷ đồng.

* Cơ cấu tài sản cuối năm và đầu năm như sau: hệ số tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản đầu năm là 33%, cuối năm là 33%; hệ số tài sản dài hạn/ tổng tài sản đầu năm là 67% và cuối năm là 67%.

* Các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm tăng 18 tỷ đồng, các khoản phải thu của khách hàng cuối năm đều nằm trong hạn mức bảo lãnh cho phép; tỷ trọng các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi/ các khoản phải thu ngắn hạn đầu năm là 1,7% và cuối năm là 1,9%.

* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản năm 2016 là 3%.

b) Tình hình nợ phải trả

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Tỷ trọng /TTS</i>	<i>Năm 2016</i>	<i>Tỷ trọng /TTS</i>	<i>2016/ 2015</i>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>904,6</i>	<i>48%</i>	<i>759,4</i>	<i>43%</i>	<i>82,4%</i>
<i>Phải trả người bán</i>	<i>196,7</i>	<i>11%</i>	<i>200,8</i>	<i>11%</i>	<i>102%</i>
<i>Người mua trả tiền trước</i>	<i>23,6</i>	<i>1,3%</i>	<i>8,6</i>	<i>0,5%</i>	<i>36%</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp</i>	<i>9,7</i>	<i>0,5%</i>	<i>23,3</i>	<i>1,3%</i>	<i>238%</i>
<i>Phải trả người lao động</i>	<i>36,7</i>	<i>2%</i>	<i>39,3</i>	<i>2,2%</i>	<i>107%</i>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	<i>18</i>	<i>1%</i>	<i>14,7</i>	<i>0,8%</i>	<i>82%</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>9</i>	<i>0,4%</i>	<i>22,5</i>	<i>1,28%</i>	<i>250%</i>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn</i>	<i>604,9</i>	<i>32,5%</i>	<i>441,4</i>	<i>25,1%</i>	<i>73%</i>
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>6</i>	<i>0,3%</i>	<i>8,8</i>	<i>0,5%</i>	<i>145%</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>33,7</i>	<i>1,8%</i>	<i>33,6</i>	<i>1,9%</i>	<i>99,6%</i>
<i>Vay và thuê tài chính dài hạn</i>	<i>8,5</i>	<i>0,5%</i>	<i>4,2</i>	<i>0,3%</i>	<i>49,1%</i>
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>24,7</i>	<i>1,3%</i>	<i>28,8</i>	<i>1,6%</i>	<i>116,7%</i>
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	<i>584,4</i>	<i>0,03%</i>	<i>668,8</i>	<i>0,04%</i>	<i>114,4%</i>
<i>Nợ phải trả</i>	<i>938,4</i>	<i>50%</i>	<i>793</i>	<i>45%</i>	<i>84,5%</i>

* Tổng các khoản nợ phải trả đầu năm là 938 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 904 tỷ đồng, nợ dài hạn là 33,7 tỷ đồng), cuối năm là 793 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 759 tỷ đồng, nợ dài hạn là 33,6 tỷ đồng), giảm 145 tỷ đồng tương ứng giảm 5,5% (Trong đó, nợ ngắn hạn giảm 145 tỷ đồng - tương ứng giảm 5,5%) do Công ty trả một số khoản vay ngân hàng để tránh ảnh hưởng của yếu tố lãi suất tăng dịp cuối năm.

* Hệ số nợ (Tổng nợ/Tổng TS) đầu năm là 50%, cuối năm là 45%, giảm 5%. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.

* Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 97 tỷ đồng, Vicem Hoàng Mai chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh.

* Đến thời điểm 31/12/2016, số dư nợ vay ngoại tệ của công ty là 378.798,78 USD, tương ứng 8,4 tỷ đồng (khoản vay của Quỹ hỗ trợ phát triển kinh tế Á Rập theo Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Xi măng Hoàng Mai ngày 24 tháng 11 năm 1999 số tiền 2.659.983,41 USD. Lãi suất của Hợp đồng vay là 4,2%/năm), khoản vay ngoại tệ này chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng nợ phải trả do đó trong năm 2015 công ty chịu ảnh hưởng không nhiều chênh lệch tỷ giá hối đoái của khoản vay này đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 ổn định, hiệu quả, đảm bảo được hiệu quả sử dụng vốn của các cổ đông trước tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn và biến động lớn về kinh tế của thế giới

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Điều chỉnh, ban hành lại cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai; Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của tất cả các phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc trong Công ty.

- Tổ chức đánh giá việc phối hợp giữa các đơn vị, phòng ban trong công ty, rút kinh nghiệm kịp thời những tồn đọng trong khâu phối hợp giữa các Phòng ban, đảm bảo tiến độ công việc.

- Rà soát các quy chế quản lý nội bộ để bổ sung sửa đổi theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty
- Quản lý hàng tồn kho linh hoạt, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chính sách linh hoạt trong khâu tổ chức sản xuất, bắt kịp nhu cầu của thị trường. Ban điều hành nhanh chóng chỉ đạo tổ chức sản xuất tập trung vào sản phẩm giá phù hợp, đảm bảo chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu của địa phương, tăng doanh thu cho công ty.
- Công tác tài chính linh hoạt, đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động của công ty. Công tác tổ chức ghi chép sổ sách kế toán rõ ràng, minh bạch.
- Ban lãnh đạo công ty tạo được mối quan hệ tốt với các cơ quan ban ngành địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức khai thác các công trình trong khu vực, cũng như thuận lợi trong sản xuất kinh doanh của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2016	TH năm 2016	KH năm 2017
Tổng doanh thu	Tỷ đ	1.740,76	1.581	1.661
Tổng chi phí	Tỷ đ	1.666	1.522	1.600
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	74,587	61	61
Số phải nộp ngân sách	Tỷ đ	82,1	67,2	75,3

- Số liệu kế hoạch năm 2017: Doanh thu bán ra là 1.661 tỷ đồng - tăng 16,3 %; Lợi nhuận trước thuế là 61 tỷ đồng - bằng 100% so với thực hiện năm 2016.

Giai đoạn năm 2017-2020, công suất ngành xi măng sẽ tiếp tục tăng khi có thêm những dự án lớn đi vào vận hành. Công ty xác định tình hình thị trường năm 2017 sẽ hết sức khó khăn và cạnh tranh quyết liệt. Do đó, nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, Vicem Hoàng Mai cần thực hiện các nội dung công việc sau:

* Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tiến hành hoàn thiện các chính sách phù hợp nhằm tăng cường thâm nhập vào các phân khúc mà thị trường và thị phần còn hạn chế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiêu thụ sản phẩm, tăng sản lượng tiêu thụ trong khối dân sinh, tăng tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời tại các địa bàn chính.

- Giữ vững thị phần thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, hỗ trợ tiếp thị công trình, dự án, tổ chức các chương trình tri ân khách hàng đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các địa bàn có tiềm năng, tăng cường xuất khẩu.

- Tiếp tục tái cơ cấu hệ thống phân phối tại Nghệ An theo hướng tăng năng lực của các Nhà phân phối mạnh, cắt giảm các Nhà phân phối yếu kém nhằm hạn chế cạnh tranh nội bộ, ổn định mạng lưới cửa hàng lớn, cửa hàng cấp 2, 3.

- Đa dạng hóa sản phẩm và từng bước khẳng định thị trường cho các sản phẩm mới mang thương hiệu Hoàng. Mai. Tiếp tục công tác nghiên cứu và đầu tư để thực hiện Chiến lược phát triển sản phẩm công nghệ cao.

- Ổn định chất lượng xi măng rời với mức xi măng 49 ± 1 N; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Rà soát và chấn chỉnh có chiều sâu ở tất cả các khâu, các bước để đảm các nhu cầu của thị trường, của khách hàng phải được đáp ứng kịp thời và đầy đủ.

- Nghiên cứu và triển khai có hiệu quả các đề tài khoa học như đá vôi và thay thế phụ gia xi măng, đưa chất trợ nghiền vào xi măng để tăng năng suất và chất lượng xi măng, giảm tỉ lệ pha CLK trong các loại sản phẩm xi măng. Sấy lò bằng than...

- Tiếp tục duy trì các ưu thế, các điểm mạnh, các mặt tích cực và đồng thời tiến hành rà soát, kiểm tra, chấn chỉnh lại các mặt còn hạn chế, các nguyên nhân làm tăng chi phí sản xuất.

- Đảm bảo công tác kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, tối ưu công tác phối liệu, công tác vận hành với mục tiêu duy trì lò nung hoạt động ổn định với chất lượng (min 55N/mm²), tiêu hao (820 kcal/kg clinker); tăng thời gian chạy lò tối thiểu 8 tháng liên tục trong năm 2016 với tổng thời gian chạy lò đạt tối thiểu 333 ngày/năm.

- Lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn) để đảm bảo vận hành Nhà máy xi măng Hoàng Mai an toàn, ổn định và hiệu quả. Tiếp tục cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, bảo dưỡng tiếp cận theo hướng bảo dưỡng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.

- Theo dõi, đánh giá và kiểm soát các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Vicem Hoàng Mai nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

- Phần đầu thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện ngân sách của Công ty, các đơn vị trong Công ty.

- Các nhiệm vụ của kế hoạch năm 2017 phải được thực hiện nghiêm túc. Định kỳ sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện để đánh giá, phân tích để ra giải pháp khắc phục khuyết điểm hay tăng cường phát huy các ưu điểm nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chú trọng hơn nữa việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ vấn đề điều động và phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các bộ phận, Phòng ban để đảm bảo công việc luôn được phối hợp thực hiện nhịp nhàng, hợp lý và có hiệu quả. Trong quá trình sản xuất, các phòng ban, bộ phận, phân xưởng lập kế hoạch phối hợp làm việc trong tất cả các khâu, các công đoạn để quá trình sản xuất được diễn ra liên tục từ khâu nhập nguyên vật liệu đầu vào đến thực hiện sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo 100% lao động của Công ty có việc làm ổn định với mức tiền lương năm 2017 cao hơn mức tiền lương năm 2016. Đảm bảo tốt điều kiện làm việc, sinh hoạt và các chế độ liên quan đến người lao động như chế độ tiền lương, BHXH, chế độ ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, bảo hộ lao động, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật... vv.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ người lao động ở tất cả các lĩnh vực thông qua việc triển khai các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn.

- Duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000. Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong công ty. Xây dựng khối đoàn kết nội bộ, xây dựng văn hóa công ty.

*** Đầu tư:**

Hoàn thiện các thủ tục cấp phép mở, đền bù, triển khai công tác thiết kế, thi công, khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 3 trong quý I/2016, đáp ứng nguyên liệu đá vôi cho sản xuất xi măng.

Chuẩn bị các điều kiện để triển khai khởi công trạm nghiền xi măng tại Khu Đông Hối; Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án lắp đặt đường ống nước từ các trạm giếng khoan về nhà máy, dự án sửa chữa tháp trao đổi nhiệt và Dự án khoan, thăm dò trữ lượng mỏ tại Tân Thắng phục vụ nguyên liệu cho dây chuyền SX xi măng số 2.

Tiếp tục thực hiện các nội dung công việc liên quan đến công tác đầu tư xây dựng các dự án “Xi măng Hoàng Mai 2; hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 3, chuẩn bị đầu tư hạng mục công trình “Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện”;.... Tập trung thực hiện sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên các hạng mục khác.

*** Hoạt động Tài chính – Kế toán:**

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu. Tăng cường các biện pháp quản lý trong mua sắm, chi tiêu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục rà soát tồn kho, tăng cường sử dụng vật tư phụ tùng sẵn có, giảm chi tiêu mua sắm, chi mua sắm khi có nhu cầu thật sự cần thiết, cấp bách. Về đầu tư xây dựng nội bộ, Công ty chỉ thực hiện những nội dung công việc thực sự cần thiết, cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Chú trọng hơn nữa công tác phân tích và đề xuất về vấn đề tài chính của các bộ phận nghiệp vụ để tham mưu cho Ban Lãnh đạo một cách nhanh chóng, chính xác và toàn diện về thực trạng hoạt động tài chính để Ban Lãnh đạo có thể ra quyết định chọn phương án hành động phù hợp hoặc những giải pháp hữu hiệu trong từng thời điểm, từng tình hình cụ thể.

- Lập phương án, kế hoạch chuẩn bị vốn cho các hoạt động một cách định kỳ và đột xuất theo từng thời điểm, tiến độ sản xuất, tiến độ thi công công trình ...

- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để tạo lợi thế về nguồn vốn vay và sự bảo lãnh để tham gia dự thầu, bảo lãnh mua hàng ... khi Công ty có nhu cầu.

- Kiểm tra việc thực hiện chính sách bán hàng; tiến độ và khả năng thanh toán đúng hạn tiền nợ hàng bán; theo dõi và đề xuất biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi ...

- Công tác chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

*** Công tác Tổ chức – Hành chính**

- Tiếp tục chấp hành nghiêm túc Nội quy, Quy chế làm việc của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

- Thực hiện trang bị đầy đủ thiết bị BHLĐ, trang phục bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên;

- Tiếp tục thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước đối với đơn vị, đối với toàn thể CB.CNV; Tham gia tốt công tác phục lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và chính quyền địa phương phát động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Ý kiến của Kiểm toán tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần, Ban Giám đốc không giải trình đối với ý kiến kiểm toán.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, mặc dù Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn

nhiều khó khăn thách thức. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt, thị trường xi măng trong nước cung vượt cầu và giá giảm theo xu hướng giá cả nước; giá vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng. Tuy nhiên, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của các cơ quan ban ngành, Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, Vicem Hoàng Mai đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ thông qua.

Những kết quả đạt được:

- Công tác quản lý hàng tồn kho linh hoạt, đảm bảo có đủ hàng hóa trong thời gian nhu cầu cao và không tồn kho quá nhiều đã tác động tích cực đến kết quả kinh doanh.

- Hoàn thành xuất sắc công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn; Linh hoạt trong chuyển đổi chế độ vận hành Nhà máy góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đã có thương hiệu, trong năm 2016 Công ty đã chủ động đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm mới chất lượng, phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới là xi măng xây trát cao cấp C91, C150 giá rẻ, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

- Tạo được mối quan hệ thân thiết giữa nhà phân phối và khách hàng thông qua chính sách chiết khấu phù hợp.

- Nắm bắt kịp thời những thông tin về thị trường ở tất cả các địa bàn, trên cơ sở đó kịp thời đề xuất cơ chế giá bán, khuyến mại linh hoạt để phối hợp với các đơn vị trong Tổng công ty, kích thích các nhà phân phối, các dự án, đại lý bán lẻ... tăng sản lượng tiêu thụ.

- Việc thu hồi công nợ xi măng, clinker cuối năm được thực hiện tốt, vượt kế hoạch đặt ra.

- Tận dụng tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng nên trong từng thời điểm vốn lưu động được bổ sung từ nguồn vốn vay để kịp thời giải quyết các vấn đề về tài chính.

- Công tác chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo đúng các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước.

- Ban Giám đốc thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận lập kế hoạch mua sắm, kế hoạch sử dụng vật tư của các đơn vị định kỳ và đột xuất tùy theo từng thời điểm và tình hình thị trường nên đã chủ động hơn trong việc sử dụng, bố trí nguồn vốn một cách hợp lý nhằm đảm bảo nguồn vốn và vật tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên;

- Thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước đối với đơn vị, đối với toàn thể CB.CNV; Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và chính quyền địa phương phát động.

- Tổ chức tặng quà cho CB CNV nhân dịp lễ, tết nguyên đán; tổ chức cho con em CB.CNV vui chơi tại khu nghỉ dưỡng Quỳnh Bảng trong đợt sinh hoạt hè, tặng quà và tổ chức vui chơi giải trí cho các cháu nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tổ chức cho

CB.CNV tham quan nghỉ dưỡng tại Nha Trang – Đà Nẵng, ...

- Kết hợp với các đơn vị như Ban KTAT&MT, Phòng Tổ chức và nguồn nhân lực, Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác An toàn lao động - Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.

- Chất lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ công nhân viên được nâng cao, phù hợp với yêu cầu công việc.

Những tồn tại hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2016, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

Hiệu quả và tỷ trọng kinh doanh các sản phẩm mới của Công ty năm 2016 chưa đóng góp lợi nhuận như kỳ vọng. Với tình hình lợi nhuận từ kinh

doanh sản phẩm mới không thuận lợi, áp lực và yêu cầu hiệu quả trong mảng kinh doanh các sản phẩm mới càng cao và đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của các Xi nghiệp trực thuộc và bộ phận quản lý.

Cần rà soát, đánh giá hệ thống nhà phân phối để có phương thức quản lý, điều chỉnh phù hợp với bối cảnh mới.

Công ty phải tăng cường quyết liệt các giải pháp tiết kiệm chi phí, giảm giá thành hiệu quả nhất có thể.

Bộ phận thị trường chưa thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao như kỳ vọng, chưa theo kịp diễn biến thị trường và nhu cầu khách hàng, chưa thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất các kế hoạch, biện pháp ... khi thị trường có sự biến động.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Cơ cấu Ban Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty;
- Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Trong năm 2016, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT. Ban quản lý điều hành đã luôn bám sát nghị quyết của HĐQT đề ra, định kỳ mỗi quý báo cáo đánh giá sát thực tình hình sản xuất kinh doanh của quý trước và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo để báo cáo HĐQT; Tuân thủ đúng điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.
- Tuân thủ theo đúng trình tự biểu quyết và khi quyết định những vấn đề quan trọng đều đạt được sự nhất trí tối đa.
- Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên Ban Giám đốc đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban hành các chính sách thu hút khách hàng; các giải pháp cải cách tiền lương nhằm khuyến

khích người lao động nâng cao năng suất; các giải pháp nhằm quản trị chặt chẽ chi phí sản xuất.... Công tác đầu tư mua sắm cũng được quản trị chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Ban Giám đốc đã chú trọng trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; Chủ động trong việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.

- Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, đề án cải cách chính sách tiền lương và đánh giá nhân viên được triển khai góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

- Ban Giám đốc cũng đã phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty.

- Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán uy tín được Bộ Tài chính chấp thuận.

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

- Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2016, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý theo mô hình ma trận mở, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty, trên nguyên tắc tập dân chủ. Công ty triển khai thực hiện áp dụng Hệ thống ERP để hỗ trợ quản lý, điều hành; thực hiện đề án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Áp lực nguồn cung xi măng tiếp tục dư thừa khi năm 2017 khu vực Nghệ An sẽ chứng kiến cuộc đua khốc liệt về tranh giành thị phần giữa các nhà sản xuất; thị trường xuất khẩu không còn thuận lợi. Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2017 với kế hoạch, định hướng sau:

- Phối hợp với BKS giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo duy trì tình hình tài chính lành mạnh, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông;

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả. Triển khai đề án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy.

- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Vicem Hoàng Mai cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất xi măng và sản phẩm sau xi măng.

- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tài chính, kế hoạch chi tiêu;

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành, đảm bảo cơ cấu tổ chức Công ty gọn, nhẹ, năng động và hiệu quả;

Bám sát chiến lược phát triển trên cơ sở khả năng huy động máy móc thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	Kế hoạch năm 2017	KH 2017/ TH 2016
1	2	3	4	5	6
A	SẢN XUẤT				
1	Clinker	Tấn	1.269.244	1.300.000	102%
2	Xi măng	Tấn	1.466.786	1.600.000	109%
1	Gạch block	Triệu viên	7,5	12	115,4%
2	Đá VLXD	M ³	149.284	240,000	76%
3	Bê tông	M ³	33.843	35,000	100,7%
B	TIÊU THỤ				
1	Clinker	Tấn	201.424	185.000	91,8%
2	Xi măng	Tấn	1.498.330	1.600.000	106,7%
3	Gạch	Triệu viên	6,9	12	123,7%
4	Đá	M ³	161.859	240,000	84%
5	Bê tông	M ³	34.317	33,000	100%
C	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	11,5	52	452%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.581	1.661	105%
3	Lợi nhuận Trước thuế	Tỷ đồng	60,9	61	100%
4	EBITDA	Tỷ đồng	214	221	103%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	67,2	75,3	112%
6	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	114,	114	100%

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị: Thành phần HĐQT gồm 07 thành viên

Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết			Tỷ lệ (%)
		Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng	
Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	16.891.800	16.891.800	16.891.800	23,46%
Ông Dương Đình Hội	Thành viên	14.400.000	14.400.000	14.400.000	20%
Ông Nguyễn Công Hoà	Thành viên	3.960.000	5.000	3.965.000	5,5%
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	3.960.000	5.200	3.965.200	5,5%
Ông Đậu Phi Tuấn	Thành viên	3.960.500	11.500	3.971.500	5,5%
Ông Đỗ Tiến Trình (thay ông Vũ Thế Hà)	Thành viên	3.960.000	3.960.000	3.960.000	5,5%
Ông Trần Đức Danh	Thành viên	0	0	0	

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2016, HĐQT với 07 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực

chuyên môn.

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, năm 2016 Hội đồng quản trị tổ chức 8 phiên họp trực tiếp và 02 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 27 nghị quyết, quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng nhằm kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT; Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

- Kiểm điểm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016; phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2017 để báo cáo ĐHĐCĐ trong phiên họp thường niên 2017 để ra mục tiêu ngân sách năm 2017. Để chỉ đạo ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016, hàng quý Hội đồng quản trị họp kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của quý trước để đánh giá những mặt đã làm được, làm tốt và những mặt chưa làm được, những mặt còn hạn chế để từ đó đề ra giải pháp khắc phục, định hướng cho kế hoạch sản xuất kinh doanh quý sau;

- Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 1 hệ thống ERP và chỉ đạo nghiên cứu kế hoạch triển khai giai đoạn 2 của hệ thống ERP; Tiếp tục chỉ đạo việc áp dụng, theo dõi và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí nhằm quản lý hiệu quả chi phí và giá thành sản xuất.

- Giải quyết các vướng mắc về tổ chức, đầu tư ... thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chuẩn bị các nội dung về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty báo cáo Đại hội cổ đông về kết quả thực hiện Nghị quyết.

- Thông qua các chủ trương và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng như: Dự án khu đô XM Hoàng Mai; Thăm dò nâng cấp trữ lượng và cấp lại giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B; Dự án Nhà lưu trữ tài liệu ...

- Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế: Quy chế mua sắm hàng hóa, quy chế Tài chính...

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2016;

- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b. Hoạt động của TV Hội đồng quản trị không tham gia điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có vai trò đưa ra ý kiến độc lập của mình trong mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm có sự tham mưu khách quan cho các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị Vũ Thế Hà được bổ nhiệm ngày 23/04/2014, Trần Đức Danh được bổ nhiệm ngày 03/11/2014 hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị.

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, tham gia đầy đủ và đóng góp thiết thực cho hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

c. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban.

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Do Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức các khóa đào tạo quản trị Công ty còn hạn chế, chưa phổ cập rộng rãi nên đến nay các thành viên Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa có điều kiện tham gia chương trình đào tạo về quản trị Công ty và chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát: Thành phần Ban kiểm soát gồm 05 thành viên

Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết			Tỷ lệ (%)
		Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng	
Ông Phạm Đức Trung	Trưởng BKS	3.960.000	0	3.960.000	5,5%
Ông Nguyễn Hữu Thất	Thành viên	0	0	0	0%
Ông Lê Văn Chiên	Thành viên	0	2.700	2.700	
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên	0	0	0	0%
Bà Thái Thị Thu Hương	Thành viên	0	0	0	0%

*** Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ Công ty. Năm 2016, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành 04 cuộc họp trực tiếp để đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong hoạt động của Hội đồng quản trị; việc thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành của Ban Giám đốc Công ty.

Trong năm 2016 các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch của ĐHCĐ. Ban Kiểm Soát đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Công ty.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm sát tập trung: Kiểm tra giám sát bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát việc thực hiện chấp hành điều lệ, các nghị quyết của ĐHCĐ, các quyết định, chỉ thị của Tổng Công ty đối với Vicem Hoàng Mai.

Cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhằm hiểu rõ tinh thần, chủ trương chỉ đạo của Hội đồng quản trị, qua đó thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu giữa công tác chỉ đạo bên trên và thực thi bên dưới, kịp thời phát hiện thiếu sót, kiến nghị Hội đồng quản trị có phương án khắc phục.

Theo sát các hoạt động của Ban giám đốc trong năm đồng thời phối hợp với Hội đồng quản trị để kịp thời chỉ đạo Ban giám đốc trong công tác duy trì tình hình tài chính lành mạnh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư của cổ đông.

Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát:

* Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc công tác nhân sự - đào tạo, tiền lương: Công ty luôn tuân thủ các quy định quản lý cán bộ chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân; thường xuyên rà soát, cập nhật hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc.

- HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, ra quyết nghị và ban hành, sửa đổi bổ sung một số Quy chế, giao kế hoạch cho từng đơn vị, hoạt động kinh doanh hiệu quả; xây dựng hệ thống phân phối, đại lý, tạo nên kênh phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng.

* Đánh giá việc điều hành của Ban Giám đốc:

Trong năm 2016, Ban điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và quy định của luật pháp; phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Về hoạt động sản xuất, kinh doanh: Năm 2016, Vicem Hoàng Mai duy trì vận hành ổn định, sản xuất đạt sản lượng vượt kế hoạch. Chính sách bán hàng linh động, hệ thống nhà phân phối được kiện toàn, tăng cường chăm sóc khách hàng, nâng cao vai trò của cán bộ thị trường, xi măng Hoàng Mai đã xác định đúng thị trường mục tiêu, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2016. Tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường.

- Về công tác kế toán tài chính: Báo cáo tài chính năm 2016 của Vicem Hoàng Mai được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Vicem Hoàng Mai đã tuân thủ các quy định quản lý vốn, quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền.

- Về tổ chức bộ máy và nhân sự: Công ty đã hoàn thiện sơ đồ tổ chức, mô

ta chức danh công việc, xây dựng khung năng lực, xây dựng hệ thống đo lường hiệu quả công việc KPI. Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các Phòng Ban Xưởng. công ty luôn tuân thủ các quy định quản lý cán bộ, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân; thường xuyên rà soát, cập nhật hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc. Đã rà soát các quy định chế độ chính sách nhằm ban hành các quy chế tiền lương, tiền thưởng và thu nhập của CBCNV thể hiện sự quan tâm đến lợi ích của người lao động trên khuôn khổ của luật pháp quy định.

- Về công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản: Hầu hết các dự án trong năm 2015 được thực hiện triển khai theo kế hoạch như hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục: “Nhà lưu trữ tài liệu”, Hệ thống kết cấu treo bay trung gian và cân định lượng”, “Xây dựng cơ bản bổ sung mỏ Hoàng Nai B giai đoạn 3”, Ngoài ra cũng còn một vài dự án chậm tiến độ : Hạng mục Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện, dự án đường ống cấp nước từ giếng khoan vào nhà máy....

- Về công tác nghiên cứu phát triển: Tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, đưa ra thị trường các dòng sản phẩm mới chuyên dụng, có chất lượng cao, thân thiện với môi trường.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Công ty; Duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Công ty vẫn đang áp dụng mức thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thành lập ngày 03/03/2008. Chi tiết như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao (VND/ng/t)	Tháng công tác	Giá trị (VND)
1	Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	12	72.000.000
2	Dương Đình Hội	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
3	Nguyễn Công Hoà	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
4	Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
5	Đậu Phi Tuấn	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
6	Trần Đức Danh	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
7.1	Vũ Thế Hà	Ủy viên HĐQT	5.000.000	2	10.000.000
7.2	Đỗ Tiến Trình	Ủy viên HĐQT	5.000.000	10	50.000.000
8.1	Trần Trung Tại	Trưởng BKS	5.000.000	3,5	17.500.000
8.2	Phạm Đức Trung	Trưởng BKS	5.000.000	8,5	42.500.000
9	Nguyễn Hữu Thất	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
10	Lê Văn Chiên	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
11	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
12	Thái Thị Thu Hương	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
	Tổng cộng:				684.000.000

b. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không phát sinh giao dịch

c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Trong năm 2016 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý

d. **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

VI. Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-41

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 11 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2016
Ông Dương Đình Hội	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	
Ông Trần Đức Danh	Thành viên	
Ông Đậu Phi Tuấn	Thành viên	
Ông Đỗ Tiến Trình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2016
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Đình Hội	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 / 9 / 2016
Ông Lưu Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 / 5 / 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Trung Tại	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Thát	Thành viên	
Ông Lê Văn Chiên	Thành viên	
Bà Thái Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập

báo cáo này là Ông Dương Đình Hội, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số tham chiếu: 60862266/18517383

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn

Nguyễn Mạnh Hùng

Phò Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-
2013-004-1

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-
2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		570.280.760.700	616.909.074.829
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	<i>97.378.206.645</i>	<i>202.911.783.237</i>
111	1. Tiền		64.378.206.645	93.411.783.237
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.000.000.000	109.500.000.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		<i>71.000.000.000</i>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	71.000.000.000	-
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<i>193.860.051.030</i>	<i>175.733.668.853</i>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	185.077.025.879	165.512.650.985
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	11.046.100.824	6.815.168.843
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.871.770.219	6.466.524.057
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 7	(5.134.845.892)	(3.060.675.032)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	8	<i>201.807.468.221</i>	<i>236.644.634.690</i>
141	1. Hàng tồn kho		203.133.535.244	245.490.581.916
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.326.067.023)	(8.845.947.226)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<i>6.235.034.804</i>	<i>1.618.988.049</i>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.222.270.775	1.262.297.403

152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.012.764.029	334.983.744
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	21.706.902
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.184.005.838.646	1.245.263.144.168
<i>210</i>	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		<i>974.383.235</i>	<i>889.981.134</i>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	974.383.235	889.981.134
<i>220</i>	<i>II. Tài sản cố định</i>		<i>969.016.336.613</i>	<i>1.080.314.840.429</i>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	968.047.061.042	1.079.706.020.396
222	Nguyên giá		2.835.179.808.140	2.822.071.588.710
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.867.132.747.098)	(1.742.365.568.314)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	969.275.571	608.820.033
228	Nguyên giá		2.168.923.370	1.619.153.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.199.647.799)	(1.010.333.337)
<i>240</i>	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		<i>39.592.835.321</i>	<i>26.172.917.774</i>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	39.592.835.321	26.172.917.774
<i>260</i>	<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>		<i>174.422.283.477</i>	<i>137.885.404.831</i>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	46.393.743.698	37.317.885.039
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	128.028.539.779	100.567.519.792
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.754.286.599.346	1.862.172.218.997



Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		793.078.384.568	938.397.518.372
310	I. Nợ ngắn hạn		759.440.420.840	904.625.080.039
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	200.859.218.327	196.664.093.546
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	8.605.999.285	23.627.285.989
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	23.302.550.120	9.708.293.415
314	4. Phải trả người lao động		39.341.839.410	36.679.741.738
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	14.740.770.953	18.015.416.683
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	22.464.252.696	8.983.559.700
320	7. Vay ngắn hạn	17	441.366.293.736	604.904.262.726
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	18	8.759.496.313	6.042.426.242
330	II. Nợ dài hạn		33.637.963.728	33.772.438.333
338	1. Vay dài hạn	17	4.183.617.870	8.526.760.538
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	28.785.534.457	24.661.268.495
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		668.811.401	584.409.300
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		961.208.214.778	923.774.700.625
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	961.208.214.778	923.774.700.625
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		720.000.000.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		196.822.894.943	148.837.652.393
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		53.446.695.486	63.998.423.883

421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.274.681.333	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		52.172.014.153	63.998.423.883
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.754.286.599.346	1.862.172.218.997

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.581.420.392.526	1.770.252.585.877
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.581.420.392.526	1.770.252.585.877
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(1.322.327.238.542)	(1.468.373.714.309)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		259.093.153.984	301.878.871.568
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.427.571.336	3.962.114.990
22	7. Chi phí tài chính	22	(26.024.851.128)	(37.482.510.407)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(25.882.065.474)	(35.482.015.237)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(84.854.311.027)	(88.560.924.811)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(94.180.488.335)	(102.296.502.267)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.461.074.830	77.501.049.073
31	11. Thu nhập khác	24	3.661.889.059	2.023.500.853
32	12. Chi phí khác	24	(498.569.343)	(4.976.536.870)
40	13. Lợi nhuận khác	24	3.163.319.716	(2.953.036.017)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.624.394.546	74.548.013.056
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(4.328.114.431)	(6.561.955.909)
51	16. Chi phí thuế TNDN	26.3	(4.124.265.962)	(3.987.633.264)

hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		52.172.014.153	63.998.423.883
70	18. Lãi trên cổ phiếu	28		
	- <i>Lãi cơ bản</i>		754	712
	- <i>Lãi suy giảm</i>		754	712

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<i>M ã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		60.624.394.546	74.548.013.056
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		127.595.605.308	126.642.932.165
03	Các khoản dự phòng		(5.445.709.343)	6.171.235.047
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(131.826.560)	754.373.315
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.169.768.909)	437.353.732
06	Chi phí lãi vay	22	25.882.065.474	35.482.015.237
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		205.354.760.516	244.035.922.552
09	Tăng các khoản phải thu		(22.423.514.876)	(50.716.131.188)
10	Tăng/(giảm) hàng tồn kho		14.896.026.685	(451.538.117)
11	Tăng các khoản phải trả		2.303.191.582	68.714.365.748
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(11.035.832.031)	12.773.245.478
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.868.370.997)	(45.954.247.465)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.195.549.860)	(4.950.190.165)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.105.832.030)	(3.766.622.425)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		148.924.878.989	219.684.804.418

	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(18.353.249.181)	(18.598.530.184)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	104.545.455	230.000.000
23	Tiền chi cho vay, ủy thác đầu tư	(71.000.000.000)	(33.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	-	58.093.200.937
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.632.111.910	3.894.304.702
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư	(86.616.591.816)	10.418.975.455
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền thu từ đi vay	1.296.236.057.843	1.514.259.170.473
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.463.864.226.861)	(1.638.729.154.841)
36	Cổ tức đã trả	(212.562.935)	(20.590.632.565)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(167.840.731.953)	(145.060.616.933)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(105.532.444.780)	85.043.162.940
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	202.911.783.237	117.862.497.940
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.131.812)	6.122.357
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	97.378.206.645	202.911.783.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 11 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 972 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 980 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

► Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);

- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toánnăm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toánnăm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	5-20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8-10 năm
Trang thiết bị văn phòng	5-10 năm
Phần mềm máy tính	3-5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn.

Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam:

Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty) được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 10 năm dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.

- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Cty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. DT được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các

kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc

chấn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế

thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	130.024.380	498.679.877
Tiền gửi ngân hàng	64.248.182.265	92.913.103.360
Các khoản tương đương tiền (*)	33.000.000.000	109.500.000.000
TỔNG CỘNG	97.378.206.645	202.911.783.237

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 5,5%/năm. (Năm 2015: 4,8% đến 5,5%/năm.)

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	71.000.000.000	71.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	71.000.000.000	71.000.000.000	-	-

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 5,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	177.930.321.987	165.512.650.985
<i>Sở Tài chính Nghệ An (*)</i>	148.501.593.926	-
<i>Công ty TNHH Thành Luân (*)</i>	7.934.329.795	150.726.300.174
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	21.494.398.266	14.786.350.811
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	7.146.703.892	-
TỔNG CỘNG	185.077.025.879	165.512.650.985
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.384.139.364)	(2.705.675.032)

(*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty, Sở Tài chính tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH Thành Luân, toàn bộ các khoản Công ty phải thu Công ty TNHH Thành Luân liên quan tới cung ứng xi măng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao chủ thể nợ sang cho Sở Tài chính Nghệ An. Theo các Thông báo của Cục thuế Nghệ An, Công ty được phép hoãn trả thuế tương ứng với khoản nợ Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chưa thanh toán đúng hạn cho Công ty.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.032.820.824	6.801.888.843
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Thiết bị Prime	6.172.833.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Nội thất lắp máy Mai Tâm	2.244.031.455	-
- Trả trước cho người bán khác	2.615.956.369	6.801.888.843
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 27)	13.280.000	13.280.000
TỔNG CỘNG	11.046.100.824	6.815.168.843
Dự phòng trả trước khó đòi	(1.395.706.528)	-

7. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng	1.646.356.344	2.809.614.193
Chovay	355.000.000	355.000.000
Phải thu tiền đầu	-	159.597.457
Tiền lãi tiền gửi phải thu	568.304.155	135.192.611
Các khoản phải thu khác	302.109.720	3.007.119.796
	2.871.770.219	6.466.524.057
Dài hạn		
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	974.383.235	889.981.134
	974.383.235	889.981.134
TỔNG CỘNG	3.846.153.454	7.356.505.191
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.778.691.863</i>	<i>7.308.098.510</i>
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>67.461.591</i>	<i>48.406.681</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(355.000.000)	(355.000.000)

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Nguyên liệu, nhiên liệu	49.852.498.342	(137.377.726)	39.000.308.517	(137.377.726)
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	51.025.866.157	(1.188.689.297)	112.662.502.688	(8.708.569.500)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	83.823.852.337	-	71.446.810.431	-
Thành phẩm	18.431.318.408	-	22.380.960.280	-
TỔNG CỘNG	203.133.535.244	(1.326.067.023)	245.490.581.916	(8.845.947.226)
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	128.028.539.779	-	100.567.519.792	-
TỔNG CỘNG	128.028.539.779	-	100.567.519.792	-

Một phần hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Số đầu năm	8.845.947.226	2.674.712.179
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	6.586.845.753
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.519.880.203)	(415.610.706)
Số cuối năm	1.326.067.023	8.845.947.226

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	1.146.490.074	1.262.297.403
Chi phí tẩm lót	2.012.127.766	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	63.652.935	-
TỔNG CỘNG	3.222.270.775	1.262.297.403
Dài hạn		
Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (*)	9.697.712.405	17.455.882.349
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	31.977.379.903	19.283.574.102
Chi phí sửa chữa lớn đường vào NM	4.604.571.717	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	114.079.673	578.428.588
TỔNG CỘNG	46.393.743.698	37.317.885.039

(*) Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu đã được định giá với số tiền là 50.000.000.000 VND, và được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Thuyết minh số 18.1) cũng như phân bổ dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	733.470.801.038	2.040.690.595.366	38.199.765.603	9.710.426.703	2.822.071.588.710
- Mua trong năm	-	5.249.481.200	1.110.000.000	2.412.355.000	8.771.836.200
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	4.260.322.327	1.342.030.613	1.236.212.352	-	6.838.565.292
- Thanh lý	-	(1.597.554.629)	(684.573.406)	(220.054.027)	(2.502.182.062)
Số dư cuối năm	737.731.123.365	2.045.684.552.550	39.861.404.549	11.902.727.676	2.835.179.808.140
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.661.661.521	75.856.280.640	16.549.454.138	917.413.312	95.984.809.611
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	269.865.979.450	1.443.109.391.096	26.698.191.266	2.692.006.502	1.742.365.568.314
- Khấu hao trong năm	30.833.096.418	91.795.447.557	2.756.418.877	1.884.397.994	127.269.360.846
- Thanh lý	-	(1.597.554.629)	(684.573.406)	(220.054.027)	(2.502.182.062)
Số dư cuối năm	300.699.075.868	1.533.307.284.024	28.770.036.737	4.356.350.469	1.867.132.747.098
Giá trị còn lại:					

Số dư đầu năm	<u>463.604.821.588</u>	<u>597.581.204.270</u>	<u>11.501.574.337</u>	<u>7.018.420.201</u>	<u>1.079.706.020.396</u>
Số dư cuối năm	<u>437.032.047.497</u>	<u>512.377.268.526</u>	<u>11.091.367.812</u>	<u>7.546.377.207</u>	<u>968.047.061.042</u>

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 17).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số dư đầu năm	1.619.153.370
- Tăng trong năm	686.700.000
- Xóa sổ	(136.930.000)
Số dư cuối năm	<u>2.168.923.370</u>

Trong đó:

Đã hao mòn hết 139.999.770

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm	1.010.333.337
- Hao mòn trong năm	326.244.462
- Xóa sổ	(136.930.000)
Số dư cuối năm	<u>1.199.647.799</u>

Giá trị còn lại:

Số dư đầu năm	<u>608.820.033</u>
Số dư cuối năm	<u>969.275.571</u>

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Dự án Hoàng Mai II	14.172.667.931	14.172.667.931
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	16.468.613.857	6.871.746.003
Dây chuyền sản xuất tro bay (*)	1.546.912.420	1.546.912.420
Dự án Khu đô thị Vicem Hoàng Mai (*)	6.172.086.734	1.352.902.250
Tổ hợp nhà thương mại Vinh (*)	707.528.924	707.528.924
Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh (*)	495.060.000	495.060.000
Các công trình khác	29.965.455	1.026.100.246
TỔNG CỘNG	<u>39.592.835.321</u>	<u>26.172.917.774</u>

(*) Công ty đã có chủ trương ngừng các hoạt động đầu tư vào các dự án này và đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng và thu hồi chi phí đã bỏ ra của các dự án.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	124.635.155.552	124.635.155.552	83.302.824.976	83.302.824.976
- Công ty TNHH Thương Mại Thành Công	39.780.299.784	39.780.299.784	1.321.946.926	1.321.946.926
- Phải trả người bán khác	84.854.855.768	84.854.855.768	81.980.878.050	81.980.878.050
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	76.224.062.775	76.224.062.775	113.361.268.570	113.361.268.570
TỔNG CỘNG	200.859.218.327	200.859.218.327	196.664.093.546	196.664.093.546

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Việt Hải	3.939.659.993	6.476.387.384
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Bình	2.520.211.074	2.711.641.253
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Anh Quân	930.937.063	-
Công ty TNHH Trường An	-	6.877.143.254
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung	-	3.722.884.283
Người mua trả tiền trước khác	1.215.191.155	3.839.229.815
TỔNG CỘNG	8.605.999.285	23.627.285.989

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại)</i>	<i>Số phải nộp trong</i> <i>năm</i>	<i>Số đã nộp</i> <i>trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	126.077.100	42.798.768.679	36.996.584.447	5.928.261.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 26.1</i>)	2.139.699.012	4.328.114.431	2.195.549.860	4.272.263.583
Thuế thu nhập cá nhân	15.298.159	319.545.391	321.692.986	13.150.564
Thuế tài nguyên	5.002.086.615	14.337.834.415	14.345.619.317	4.994.301.713
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	1.739.290.000	3.637.954.000	1.738.490.000	3.638.754.000
Tiền thuế đất	15.895.075	4.336.765.467	1.892.911.500	2.459.749.042
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	669.947.454	11.121.032.817	9.794.910.385	1.996.069.886
TỔNG CỘNG	9.708.293.415	80.880.015.200	67.285.758.495	23.302.550.120

(*) Đây là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được Công ty trích trước theo Báo cáo tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2016 của Cục Kinh tế địa chất và khoáng sản ngày 10 tháng 11 năm 2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi đang được Công ty khai thác.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Chi phí tiền điện	4.004.998.413	4.074.075.332
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	1.487.076.278	1.851.050.370
Chi phí nhân công sửa chữa lớn	1.285.798.798	2.033.026.400
Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm	845.357.234	1.945.062.379
Chi phí lãi vay phải trả	481.491.656	467.797.179
Phí bảo lãnh cho các khoản vay phải trả	446.993.937	420.856.062
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	986.494.478	-
Phí lắp đặt cân than	-	1.390.542.500
Chi phí phải trả khác	5.202.560.159	5.833.006.461
TỔNG CỘNG	14.740.770.953	18.015.416.683

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí vận tải	13.698.570.875	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.139.765.650	2.352.328.585
Phải trả các thành viên góp vốn vào Ban quản lý Dự án Khu Đô thị Vicem Hoàng Mai	2.572.139.200	2.572.139.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.377.494.915	1.381.836.003
Tiền ủng hộ phải trả cho Ban vận động "Quỹ vì người nghèo"	642.120.089	768.356.453
Phụ cấp ăn ca	-	519.165.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.034.161.967	1.389.734.459
TỔNG CỘNG	22.464.252.696	8.983.559.700

16. VAY

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	550.627.388.837	550.627.388.837	1.296.236.057.843	1.409.707.337.240	437.156.109.440	437.156.109.440
Vay dài hạn đến hạn trả	54.276.873.889	54.276.873.889	4.276.873.889	54.343.563.482	4.210.184.296	4.210.184.296
	604.904.262.726	604.904.262.726	1.300.512.931.732	1.464.050.900.722	441.366.293.736	441.366.293.736
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	8.526.760.538	8.526.760.538	-	4.343.142.668	4.183.617.870	4.183.617.870
TỔNG CỘNG	613.431.023.264	613.431.023.264	1.300.512.931.732	1.468.394.043.390	445.549.911.606	445.549.911.606

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> <i>(VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	295.516.617.455	6 tháng, đáo hạn từ ngày 6 tháng 1 năm 2017 đến ngày 28 tháng 4 năm 2017. Tiền lãi được trả hàng tháng.	4,8%- 5,2%	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này. ▶ Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 324 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	114.198.615.699	6 tháng, đáo hạn từ ngày 15 tháng 3 năm 2017 đến ngày	4,5%- 5,2%	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 30,7

		15 tháng 4 năm 2017. Tiền lãi được trả hàng tháng		tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh	27.440.876.286	12 tháng, đáo hạn là ngày 7 tháng 2 năm 2016. Tiền lãi được trả hàng tháng	4,5%	▶ Máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 73 tỷ VND.
Tổng cộng	<u>437.156.109.440</u>			

17.2 Vay dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất(%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (USD)			
Quỹ hỗ trợ Công-tại Phát triển Kinh tế Ả rập (theo Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty)	8.393.802.166	378.798,78	168 tháng, đáo hạn ngày 10/9/2018. Tiền lãi được trả theo định kỳ 6 tháng.	4,2%	Tín chấp

Trong đó:

-Vay dài hạn đến hạn trả	4.210.184.296	189.998,84
-Vay dài hạn	4.183.617.870	188.799,94

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	6.042.426.242	1.859.359.228
Trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	14.738.500.000	7.911.198.514
Sử dụng trong năm	(12.021.429.929)	(3.728.131.500)
Số dư cuối năm	8.759.496.313	6.042.426.242

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước						
Số dư đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	135.837.652.393	41.679.778.514	888.456.055.256
- Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	63.998.423.883	63.998.423.883
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(20.768.580.000)	(20.768.580.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.911.198.514)	(7.911.198.514)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)	-
Số dư cuối năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	148.837.652.393	63.998.423.883	923.774.700.625
Năm nay						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	148.837.652.393	63.998.423.883	923.774.700.625
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	52.172.014.153	52.172.014.153
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.738.500.000)	(14.738.500.000)

lợi(Thuyết minh số 18)(*)						
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	47.985.242.550	(47.985.242.550)	-
Số dư cuối năm	<u>720.000.000.000</u>	<u>19.138.086.811</u>	<u>(28.199.462.462)</u>	<u>196.822.894.943</u>	<u>53.446.695.486</u>	<u>961.208.214.778</u>

(*) Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ	Cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96	510.918.000.000	70,96
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04	209.082.000.000	29,04
TỔNG CỘNG	720.000.000.000	100,00	720.000.000.000	100,00

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	20.768.580.000
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

19.4 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

Đơn vị tính: cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.771.400)	(2.771.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.228.600	69.228.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông	69.228.600	69.228.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2015: 10.000 đồng Việt Nam).

Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu bán hàng	1.581.420.392.526	1.770.252.585.877
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.523.618.005.425	1.703.166.318.399
Doanh thu bán sản phẩm khác	51.982.559.604	67.009.387.937
Doanh thu thanh lý vật tư	3.100.163.158	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.719.664.339	76.879.541
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.581.420.392.526	1.770.252.585.877
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	<i>1.549.080.823.428</i>	<i>1.770.124.931.330</i>
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 27)</i>	<i>32.339.569.098</i>	<i>127.654.547</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.035.681.354	3.919.411.133
Lãi chênh lệch tỷ giá	362.347.882	6.122.357
Thu nhập tài chính khác	29.542.100	36.581.500
TỔNG CỘNG	3.427.571.336	3.962.114.990

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>(Trình bày lại)</i>
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.281.147.579.254	1.417.278.734.757
Giá vốn bán sản phẩm khác	37.246.362.475	51.018.100.011
Giá vốn vật tư thanh lý	985.192.063	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.948.104.750	76.879.541
TỔNG CỘNG	1.322.327.238.542	1.468.373.714.309

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	25.882.065.474	35.482.015.237
Chiết khấu thanh toán	-	1.173.210.900
Phí bảo lãnh	26.137.875	23.008.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá	116.647.779	804.275.347
TỔNG CỘNG	26.024.851.128	37.482.510.407

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	16.332.179.858	17.733.475.229
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	13.870.204.023	13.117.165.883
Chi phí lợi thế thương mại	7.758.169.944	7.758.169.944
Chi phí chuyển giao bí quyết bán hàng	10.520.999.419	11.759.400.012
Chi phí hội nghị, tiếp khách	9.516.668.058	10.159.055.122
Chi phí khác	26.856.089.725	28.033.658.621
	84.854.311.027	88.560.924.811
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	28.554.079.327	29.328.817.146
Chi phí hội nghị, tiếp khách	8.740.195.370	13.367.359.260
Chi phí chuyển giao bí quyết doanh nghiệp	9.024.031.848	10.086.434.824
Chi phí khấu hao	9.133.365.063	8.272.321.881
Chi phí khác	38.728.816.727	41.241.569.156
	94.180.488.335	102.296.502.267

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	3.661.889.059	2.023.500.853
Bồi thường tổn thất	2.107.597.112	-
Thu phạt hợp đồng	226.770.001	429.531.972
Lãi từ thanh lý tài sản	104.545.455	230.000.000
Thu nhập khác	1.222.976.491	1.363.968.881
Chi phí khác	498.569.343	4.976.536.870
Giá trị còn lại của tài sản cố định giảm trong năm	-	4.623.346.365
Chi phí khác	498.569.343	353.190.505
GIÁ TRỊ THUẦN	3.163.319.716	(2.953.036.017)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	723.837.001.459	791.746.175.928
Chi phí nhân công	135.527.584.498	133.737.027.891
Chi phí khấu hao và hao mòn	127.595.605.308	126.642.932.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.885.302.911	445.913.079.525
Chi phí khác	148.943.943.762	195.851.126.341
TỔNG CỘNG	1.509.789.437.938	1.693.890.341.850

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02-UB ngày 10 tháng 7 năm 1998 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2016 là 10% và hoạt động kinh doanh khác là thuế suất phổ thông (20% trong năm 2016).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.359.937.432	6.522.676.857
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	(31.823.001)	39.279.052
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.124.265.962	3.987.633.264
TỔNG CỘNG	8.452.380.393	10.549.589.173

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.624.394.546	74.548.013.056
Thuế TNDN theo thuế suất 11% áp dụng cho Công ty	-	7.704.060.831
Thuế TNDN theo thuế suất 22% áp dụng cho Công ty		748.076.107
Thuế TNDN theo thuế suất 10% áp dụng cho Công ty	5.904.967.510	-
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	314.943.888	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Thuế từ các khoản chi phí không được khấu trừ thuế khác	202.159.015	263.738.214
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	39.279.052
Chênh lệch về thuế suất ghi nhận thuế hoãn lại phải trả đối với chi phí khấu hao	2.062.132.981	1.794.434.969
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(31.823.001)	-
Chi phí thuế TNDN	8.452.380.393	10.549.589.173

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
				<i>Báo cáo kết quả</i>	
				<i>hoạt động kinh doanh</i>	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>					
<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả					
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định					
28.785.534.457	24.661.268.495	(4.124.265.962)	(3.987.633.264)		
<u>28.785.534.457</u>	<u>24.661.268.495</u>				
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh				<u>(4.124.265.962)</u>	<u>(3.987.633.264)</u>

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thuê gia công xi măng	16.778.531.357	27.925.004.353
		Bán vật tư	26.950.000	-
		Xây gạch chịu lửa	192.789.451	-
		Doanh thu bán xi măng	-	861.909.090
Công ty Cổ phần Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	43.059.080.000	68.909.041.800
		Phạt tiền vỏ bao	31.366.000	-
Công ty TNHH thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thuê gia công xi măng	3.263.345.455	22.467.773.455
		Bán vật tư	30.025.195	-
		Xây gạch chịu lửa	195.377.260	-
Xi nghiệp sản xuất bao xi măng Đà Nẵng – Chi nhánh Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	13.543.221.600	35.138.444.036

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Bán clinker	6.386.734.545	-
		Mua cát tiêu chuẩn	-	175.595.455
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	270.177.924.153	316.455.941.592
		Phạt vi phạm hợp đồng	49.281.368	156.826.784
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Ủy thác đầu tư	-	30.000.000.000
		Thu hồi ủy thác đầu tư	-	50.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	-	4.893.200.937
		Thu nhập lãi vay	475.849	501.805.588
		Phí quản lý khoản đầu tư	51.248	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thuê máy phá dỡ gạch lò	23.672.721	148.460.896
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thuê gia công xi măng	4.922.217.778	-
		Bán xi măng	7.741.477.269	-
		Chi phí vận chuyển	1.947.391.908	-

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Sơn	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	23.413.735.800	32.778.000.000
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Phí tư vấn lập hồ sơ dây chuyền 2	94.999.090	25.764.000
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên kết của Tổng công ty	Bán clinker	15.705.635.636	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao măng	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Mua thạch cao	15.223.714.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Mua gạch chịu lửa	6.390.822.800	-
Viện Công nghệ Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Chi phí đào tạo	1.162.963.636	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	-	15.327.540.000
		Mua thạch cao	13.389.818.677	37.407.988.892
		Phí tư vấn (*)	19.545.031.267	21.845.834.836
		Bán xi măng	501.354.545	127.654.547

(*) Theo Hợp đồng số 2118/VICEM-HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Hợp đồng số 2120/VICEM-HĐKT ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty mẹ sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty các kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và kỹ năng quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, và tính phí cho các dịch vụ này trên doanh thu thuần từ tiêu thụ xi măng và clinker cũng như doanh thu tiêu thụ xi măng gia công ngoài và sản phẩm khác, thu nhập khác phát sinh hàng năm.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2015: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Đơn vị thành viên cùng Công ty Tổng xây gạch lò	212.068.396	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Đơn vị thành viên cùng Công ty Tổng xây gạch lò	214.915.000	-
Công ty Cổ phần Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Đơn vị thành viên cùng Công ty Tổng bán xi măng	6.719.720.496	-
			7.146.703.892	-

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)

Công ty Cổ phần Xi măng Tam Điệp	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Đơn vị thành viên cùng Công ty Tổng mua vỏ bao	13.280.000	13.280.000
			13.280.000	13.280.000

Phải thu khác (Thuyết minh số 7)

Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Phải thu	283.506	-
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Phải thu	5.552.570	-
Công ty TNHH thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Một đơn vị thành viên cùng Công ty	Phải thu	-	30.025.195
Ban Quản lý Dự án Đông Hội	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Phải thu	14.323.515	18.381.486
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Công ty	Phải thu	47.302.000	-
			67.461.591	48.406.681

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</i>				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	-	57.628.843.984
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thuê gia công xi măng	-	2.461.016.500
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	4.566.206.432	13.695.600.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua thạch cao và phí quản lý	9.394.699.849	18.721.379.106
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Xây gạch lò	275.831.014	-
Công ty Cổ phần Vicem Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua vỏ bao	2.814.889.482	10.414.495.080
Công ty Cổ phần Vicem Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua vỏ bao	3.570.650.838	8.512.020.000
Trường Nghề Kỹ thuật măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí đào tạo	607.710.000	6.000.000

Công ty TNHH Đơn vị thành Thuê gia công Một Thành viên xi viên cùng xi măng măng Vicem tam Tổng Công ty Điện	52.440.000	1.434.448.800
Công ty Tư vấn Đơn vị thành Phí tư vấn Đầu tư Phát triển viên cùng Xi măng Tổng Công ty	16.552.600	224.687.600
Viện Công nghệ Xi Đơn vị thành Phí khác măng viên cùng Tổng Công ty	-	132.252.500
Công ty Cổ phần Đơn vị thành Phí tư vấn Vicem Đô thị Xi viên cùng khảo sát địa măng Hải Phòng Tổng Công ty hình	130.525.000	130.525.000
Công ty Cổ phần Đơn vị thành Mua thạch cao Vicem Thạch cao viên cùng Xi măng Tổng Công ty	14.474.936.600	-
Công ty Cổ phần Đơn vị thành Mua than cám Vicem Vật tư Vận viên cùng tải Xi măng Tổng Công ty	39.775.279.209	-
Công ty TNHH Đơn vị thành Mua gạch chịu Một thành viên Xi viên cùng lửa, xây gạch măng Vicem Tổng Công ty lò Hoàng Thạch	544.341.751	-

76.224.062.775	113.361.268.570
-----------------------	------------------------

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	2.762.208.777	2.565.355.148
TỔNG CỘNG	2.762.208.777	2.565.355.148

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.172.014.153	63.998.423.883
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(14.738.500.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	52.172.014.153	49.259.923.883
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	52.172.014.153	49.259.923.883
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.228.600	69.228.600
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	69.228.600	69.228.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	754	712
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	754	712

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-

DHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2016 và ảnh hưởng từ các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh số 29). Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

29. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Căn cứ trên Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12	
		năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Số điều chỉnh Ngày 31 tháng 12 năm 2015' (được trình bày lại)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1)	(4.456.381.560)	1.395.706.528	(3.060.675.032)
141	Hàng tồn kho	(8)	245.330.880.883	159.701.033	245.490.581.916
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2)	(10.616.768.227)	1.770.821.001	(8.845.947.226)
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(3)	(1.738.793.511.773)	(3.572.056.541)	(1.742.365.568.314)
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(4)	22.223.904.138	3.949.013.636	26.172.917.774
261	Chi phí trả trước dài hạn	(5), (6)	41.585.608.418	(4.267.723.379)	37.317.885.039
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(7), (8)	9.561.955.197	146.338.218	9.708.293.415

315	Chi phí phải trả ngắn hạn	(4)	20.000.973.956	(1.985.557.273)	18.015.416.683
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8)	62.723.742.550	1.274.681.333	63.998.423.883

Năm 2015

(đã được trình bày

trước đây)

Số điều chỉnh

Năm 2015

(được trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

11		(2), (3), Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(4), (5), (8)	(1.465.947.276.959)	(2.426.437.350)	(1.468.373.714.309)
25	Chi phí bán hàng	(6)	(91.012.675.184)	2.451.750.373	(88.560.924.811)	
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1), (7)	(103.566.131.695)	1.269.629.428	(102.296.502.267)	
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(8)	(6.541.694.791)	(20.261.118)	(6.561.955.909)	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	(3)	123.070.875.624	3.572.056.541	126.642.932.165
03	Dự phòng	(1), (2)	9.337.762.576	(3.166.527.529)	6.171.235.047
10	Tăng/(giảm) hàng tồn kho		(291.837.084)	(159.701.033)	(451.538.117)
11	Giảm/(tăng) các khoản phải trả	(4)	74.522.859.557	(5.808.493.809)	68.714.365.748
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(5), (6)	8.505.522.099	4.267.723.379	12.773.245.478

29. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC(tiếp theo)

(1) Điều chỉnh giám dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.395.706.528 VND liên quan đến các khoản trả trước cho người bán do thiếu một số hồ sơ yêu cầu bởi quy định của Nhà nước;

(2) Điều chỉnh giám dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.770.821.001 VND liên quan đến than cám do thiếu một số hồ sơ yêu cầu bởi quy định của Nhà nước;

(3) Điều chỉnh tăng chi phí khấu hao tài sản cố định kho chứa đá với với số tiền là 3.572.056.541 VND do thời gian khấu hao không theo đúng quy định của Nhà nước;

(4) Điều chỉnh khoản phí thuê tư vấn thực hiện thăm dò nâng cấp trữ lượng và cấp lại giấy phép khai thác mỏ đá với Hoàng Mai B với số tiền là 5.934.570.909 VND vào giá trị vốn hóa xây dựng cơ bản do chưa đủ điều kiện ghi nhận chi phí;

(5) Điều chỉnh tăng giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với số tiền là 2.451.750.373 VND;

(6) Điều chỉnh giảm chi phí trả trước về sửa chữa lớn lò nung clinker với số tiền là 6.719.473.752 VND do tính chất của sửa chữa thường niên;

(7) Điều chỉnh tăng thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp với số tiền là 126.077.100 VND liên quan đến quả biếu tặng chưa xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước;

(8) Điều chỉnh giá vốn hàng bán, thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối do các điều chỉnh nêu trên.

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.353.698.000	3.787.384.730
Từ 2 - 5 năm	17.414.792.000	15.149.538.919
Trên 5 năm	26.748.075.116	25.050.270.210
TỔNG CỘNG	48.516.565.116	43.987.193.859

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Cam kết về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 41,37 tỷ đồng.

Theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính này.

Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình đánh giá lại trữ lượng của mỏ đá vôi để tiến hành các thủ tục xin cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản này theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, cũng như xin phê duyệt lại mức phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi.

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo công văn số 4456/CV-UB.ĐC ngày 13 tháng 09 năm 2004

của UBND Tỉnh Nghệ An về việc thực hiện ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 04/TB-TNMT-MT ngày 28 tháng 1 năm 2008 về ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2 và thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 149/TB-TNMT-MT ngày 17 tháng 1 năm 2008 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An về việc ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 1 và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, Công ty có các cam kết liên quan tới việc ký quỹ cải tạo bảo vệ môi trường đối với việc khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 tới năm 2025, mỗi năm ký quỹ 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 151.239.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 đến năm 2025, mỗi năm ký quỹ 4.433.000 đồng.

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này,

Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nghệ An, ngày 07 tháng 04 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC *[Handwritten Signature]*



Dương Đình Hội